

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

QUYỂN 29

CHƯƠNG THỨ IX: HÙNG PHƯỚC

(Trong chương này, Chánh truyện có mười hai vị, phụ có năm vị)

- 1/ Truyện ngài Thích Minh Đạt ở Thục Châu, thời Nam Lương
- 2/ Truyện ngài Thích Tăng Minh trụ chùa Đại Tượng ở Phù Châu đời Bắc Chu (Tăng Hộ)
- 3/ Truyện ngài Thích Tuệ Đạt trụ chùa Báo Bố ở núi Thiên Thai, đời Tùy
- 4/ Truyện ngài Thích Tăng Hoảng trụ chùa Chấn Hưởng ở Miên Châu, thời Tiền Đường
- 5/ Truyện ngài Thích Trú Lực trụ chùa Trường Lạc ở Dương Châu, thời Tiền Đường.
- 6/ Truyện ngài Thích Trí Hưng trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở Kinh Đô, thời Tiền Đường (Thiện Nhân)
- 7/ Truyện ngài Thích Đạo Tích trụ chùa Phổ Cứu ở Bồ Châu, thời Tiền Đường
- 8/ Truyện ngài Thích Đức Mỹ trụ chùa Hội Xương ở kinh đô, thời Tiền Đường (Tĩnh Mặc, Đàm Hiến)
- 9/ Truyện ngài Thích Tuệ Trụ trụ chùa Thanh Thiên ở kinh đô, thời Tiền Đường
- 10/ Truyện ngài Thích Trí Thông trụ chùa núi Ngưu đầu ở Tử Châu, thời Tiền Đường
- 11/ Truyện ngài Thích Tuệ Chấn trụ chùa Thông Tuyên ở Tử Châu, thời Tiền Đường
- 12/ Truyện ngài Thích Tuệ Vân trụ chùa Hoảng Phước ở kinh đô, thời Tiền Đường.

1- Truyện ngài Thích Minh Đạt ở Thục Châu, thời Nam Lương:

Thích Minh Đạt, họ Khương. Tổ Tiên Sư vốn ở nước Khương Cư. Sư xuất gia từ thuở nhỏ, nghiêm trì trai giới. Lúc đầu, thọ mười giới Sa-di, Sư giữ giới năm căn. Đến lúc thọ giới cụ túc, hạnh nghiệp Sư càng cao vợi, hông chẳng dính chiếu, thường ngày chỉ ăn một bữa. Bên ngoài, hình nghi phép tắc, bên trong xây dựng Đạo nhân. Rộng cứu giúp lấy làm nổi lòng, du hành là việc chuyên.

Trong khoảng đầu niên hiệu Thiên giám (502) thời Nam Lương, từ Tây Nhung, Sư đến Ích Châu. Bấy giờ, Ba Hạp loan di, cổ xúy đi bắt cướp, khắp các châu quận nêu binh định kỳ hạn đánh giết. Sư thương xót sự khổ ấy, ý muốn cứu giúp, bèn một mình đến nơi chỗ giặc, lên trên bờ lũy, ủy dụ vởi dẫn, chưa quen tình ấy, bỗng chốc gió mưa tối mịt, sấm sét vang động. Bọn giặc kinh hãi, lo sợ ai cầu. Sư bèn dạy phải thấp đủ ngàn cây đèn, chỉ thành khẩn cầu vởi Tam Bảo. Sấm tạo đầy đủ, bụi mù tăm tối đều tiêu tan hết. Núi đầm thông khí, đất trời mở sáng, tự nhiên ngóng mong nước nhà đều theo Vương hoá. Đụi mang bày chằm thốt dâng người rảo trước. Đồ ấy đều sung vào Đầm, khiến sông nước đường xá sạch sẽ, qua lại không trở ngại. Bình oai chẳng bày mà muôn dặm thần nhiên. Đó đều là do năng lực của Sư! Sau đó, nhân có việc, ngài đi đến vấn trung, giữa đường gặp người trói con heo con dưới đất, nó nói tiếng người rằng: “Xin Thượng Thánh cứu tôi!”. Sư bèn cỡi y phục chuộc nó mà thả. Có lần vào đêm, Sư đòi lấy nước rửa chân. Đệ tử y theo lời Sư bảo mà bùn dơ không sạch hết, lại dùng nước nóng để rửa, vẫn như trước không sạch. Sư bèn tự lấy nước rưới lên, chân ngài liền sạch. Sư bảo: “Đó là mỡ cá”. Nhưng không biết từ đâu mà dính vào chân Sư như vậy.

Sư đi đến núi Ngưu Đầu ở Tử Châu, muốn xây tháp và lập tịnh xá, chẳng phỏng hỏi gỗ đá, thẳng tìm công thợ. Các hàng Đạo tục thấy đều lấy làm lạ lời nói ấy. Bấy giờ, đang lúc tháng hai, nước khô cạn, Sư bèn xuống tìm trong nước được một cây gỗ dài, chánh có thể làm trụ cột chùa, chiều dài vừa hợp độ, đều dùng làm vui mừng. Sư bèn chỉ dẫn xây dựng. Đến tháng tư, nước ở sông Bồi lớn tràn, cây gỗ trôi nghẹt sông, tự tấp vào bờ cửa làng, đều không trôi đi. Sư bèn dẫn hợp các hàng tăng tục tiếp đến vớt lấy, ngang dọc chất đầy núi, bắt đầu xây dựng sửa sang phòng nhà, làm giá tháp cao chín tầng, xa gần đều giúp sức, đồng một lúc mà tu tạo, làm chẳng vượt quá thời gian, không bao lâu đã thành tựu. Tự thân Sư thường mặc áo lót, ba pháp y đều là vải bố thô xấu, nếu bị rách thì liền vá đắp, bất kể nóng lạnh, không hề đổi thay. Có một lúc,

Sư đang nhập định nơi giường dây, bỗng nhiên hừng hực lửa cháy, đại chúng bèn đến muốn dập tắt, nhưng chỉ cảm thấy mát mẻ.

Có Sa-môn Tăng Cứu bị bệnh co quắp chân tay đã nhiều năm, đến xin Sư cứu chữa. Sư bèn trao cho chiếc gậy và bảo đi. Chưa đời tấc bóng tự nhiên ngài Tăng Cứu đi bộ mà trở về. Đó thật là do âm đức của Sư hiển bày cứu giúp, công phu thật chẳng thể lường biết được. Đại loại như thế có rất nhiều! Lại nữa, lúc đang Bồ-tát, thân Sư ngồi ở trước chúng, nhân có kẻ trộm đục tường vào mang vác đồ vật, khi ra được bên ngoài liền mê muội không biết phương hướng, đành trở lại chùa. Sư liền chỉ bảo cho rồi bảo đi. Nên Sư hành hóa ở các xứ Sở Thục, đức Sư đượm phục như gió thổi đê ngã rạp. Nên khiến dân chúng ở Tam Thục, hoặc có người bưng lò hương mà cầu thỉnh cúng dường, hoặc có người rải hoa trái y phục dưới đất để Sư bước đi, hoặc có người xả tục quy hướng sám tội, hoặc có người cắt tóc xuất gia theo học giáo pháp. Ngày này sang năm nọ, tính gồm thật không thể ghi hết.

Đến niên hiệu Thiên Giám thứ mười lăm (516) thời Nam Lương, Tùy Thủy Hưng Vương về lại Kinh Châu. Tháng mười hai năm đó, Sư tịch tại Giang Lăng, thọ năm mươi lăm tuổi. Sư có được thân cao tám thước, dung thức kỳ vĩ. Sư mở mang luật huân cho đến giảng tụng, chột ngâm đọc sách tục để khai ngộ hôn thức, giải thích rõ ràng về tội phước, không đợi tìm đến, nên rõ ràng đại lược mà lưu truyền.

2- Truyện ngài Thích Tăng Minh trụ chùa Đại Tượng ở Phù Châu:

Thích Tăng Minh, họ Khương, người ở xứ Nội Bộ thuộc Phù Châu. Sống nương gá nơi núi rừng, nhưng Sư lập tánh thuần tố, ngôn lệnh chất phác, tự ngộ chẳng nhậm. Giữ cấm giới tự tu, chẳng theo Bỉ tục. Tuy chẳng thông hiểu kinh cáo, mà tiết tháo Sư trình thuần cứng rắn, rất có tiếng ở đương thời.

Nhân đến Ấp Lạc, qua lại nơi núi hang, thấy có một sườn núi gập ghềnh thường phát ra ánh sáng lạ. Sư lấy làm lạ mà bèn tìm xét, nhiều khắp trên dưới, mới thấy trong đáy khe nước có một tảng đá ngã xuống, tướng trạng cao lớn, từ xa nhìn bên cạnh bờ khe nước, đá nằm như tượng, một nửa xuất hiện ở ngoài, Sư bèn ra công đào bới, thì ra là toàn thân Tôn Tượng, hình dáng giống như tượng Phật, thuần như quặng sắt, chẳng cần phải thêm đục tạc, rõ ràng tròn đầy, cao hơn ba trượng. Bấy giờ, vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu đã băng, ngày mới tiếp nối, trong tâm tình Sư phấn chấn thêm lên, chẳng sợ nghiêm

hình giết hại, tìm hỏi những bậc cổ lão, không ai biết lý do, vì chỗ đất ấy từ lâu hoang tàn cây cối rậm rạp, vốn chẳng có chùa chiền. Sư bèn tự tư duy rằng: “Thật là di tượng do Vua A-dục đã xây dựng khắp trong nhân gian, ứng hiện đến đây.” Bèn kêu gọi mọi người khắp nơi đến kéo nâng, sức lực đã hết mà không nhúc nhích nổi. Sư bèn bưng lò hương phát nguyện rằng: “Nếu Phật Pháp trở lại hưng thịnh, muôn dân được đội nhờ, thì mong hiện oai linh để toại tâm nguyện.” Sư nói vừa xong, bỗng nhiên tôn tượng nhẹ đi và nâng lên được, từ núi thẳng xuống lỗ gót chân không cần phải đỡ nâng, đứng thẳng sừng sững. Đại chúng đều kinh hãi khen ngợi được điều chưa từng có. Nhân đó mọi người tấu trình. Vua Tĩnh Đế (Vũ Văn Đế 579-581) thời Bắc Chu cho đó là điềm lành, bèn đổi niên hiệu là Đại Tượng (579). Từ đó, Phật pháp dần dần mở rộng, thật là do năng lực của Sư. sau đó, Vua lại ban sắc, ngay chỗ ấy xây chùa Đại Tượng. Nay gọi đó là chùa Hiển Tế. Ở phía Tây Nam của Phướng Châu, cách hơn sáu mươi dặm, ngay nơi bóng râm, lại phát ra ánh sáng thần. Sư xuất gia, sống trọn đời tại để tu phụng, rất cảm với tâm vật. Đến niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, Sư tịch tại chùa đó!

Tôi (Đạo Tuyên) cho đó là lý do của hưng tạo phước đức là việc có cơ hội, cảm hiện kỳ tích, tướng trạng ấy rất nhiều, nên ở đây lược nêu dẫn năm, ba truyện để mở thần lý.

Xưa kia, vào thời Đông Tấn, có Sa-môn Pháp Hiển là người gắng sức quyết giữ tiết tháo, đến Tây Trúc tham quan các Thánh tích. Sau, đến một ngôi chùa nọ, mọi người lớn nhỏ đều đón rước Sư. Khi đó, Sư bị bệnh, trong tâm mong có được thức ăn của quê nhà (Trung Hoa), Thượng tọa chủ nhân gần gũi lo sự kinh lý bèn sai bảo một vị Sa-di vì Sư mà đi lấy cơm nước thức ăn của xứ Trung Hoa, để thiết trai dâng cúng Sư. Chỉ chốc lát, vị Sa-di ấy nói: “Đến Bành Thành đến nhà của Ngô Thương Ưng để xin thức ăn nên bị chó cắn.” Sư lấy làm lạ, chỉ khoảnh khắc ra đi mà đã vượt ngoài muôn dặm, mới biết rằng chư tăng ở chùa đó đều là những vị phi thường. đến lúc theo thuyền trở về, nên Sư đến Bành Thành hỏi Ngô Thương Ưng, mới biết nguyên do đưa đến và máu chảy bởi con chó ấy cắn bồi ở cửa đến nay vẫn còn. Sư bảo rằng: “Đó là máu của Thánh tăng La-hán! Lúc ấy là lấy thức ăn cho tôi, sao bị con chó làm tổn thương ư?” Ngô Thương Ưng nghe thế bèn sám hối lỗi lầm, liền xả thí vườn nhà để xây dựng chùa.

Ngô Thương Ưng tự đi đến Dương Đô để tìm thỉnh các kinh tượng. Khi đang đi giữa dòng sông lớn, thuyền bèn nghiêng một bên, bỗng có

hai khúc xương, mỗi khúc dài một trượng, theo sóng vỗ văng vào trong thuyền, liền được an dòng lên đến bờ. Bèn đem sự việc ấy tấu trình, Hữu Ty xem xét thì cốt xương ấy là răng rồng. Tìm cầu kinh tượng chưa được, Ngô Thương Ứng lại ngược dòng đi thẳng đến hướng Tây, tạm dừng nghỉ trong rừng, gặp một vị tăng vốn giòng họ Bà-la-môn mang tôn tượng mà đi, và nói là: “Đến Từ Châu tặng cho Ngô Thương Ứng cúng dường.” Ngô Thương Ứng nói: “Nếu đúng như lời vừa nói thì Ngô Thương Ứng chính là đệ tử đây.” Vị Tăng ấy bèn trao tượng cho. Ngô Thương Ứng thỉnh tượng về kinh đô. Vua ban sắc bảo đắp theo khuôn tượng ấy làm thành mười pho tượng, dưới chân tượng đều khắc đặt tên chữ, tôn tượng mới cũ đều chẳng thể nhận biết, bèn giao cho Ngô Thương Ứng xét chọn. Tượng mới giáng ứng mộng chỉ bày cho biết gốc ngọn. Vừa đến, Ngô Thương Ứng lấy được tượng gốc rồi mới trở về Từ Châu. Và pho tượng ấy thường có điềm ứng như thần, dưới thời Nguyên Ngụy, Vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoàn 471-500) thỉnh vào Cao Đài. Đến thời Bắc Tề, Hậu Chúa (Cao Vĩ 565-576) sai sứ là Thường Bưu đến thỉnh tượng về Nghiệp Hạ. Đến lúc nhà Bắc Tề sụp đổ, thời Bắc Chu phá diệt, được chôn cất giấu. Đến đời Tùy, mở mang Phật pháp, trở lại hưng thịnh ở đời. Nay hiện còn tại chùa Đại Từ ở huyện Nghiệp thuộc Tương Châu.

Lại nữa, tại chùa Sùng Nghĩa ở kinh đô có tượng bằng đá, thân cao một thước sáu tấc, tám góc có mâu tím, chiếu suốt trong ngoài. Pho tượng ấy vào khoảng niên hiệu Thanh Thái (547-550) thời Nam Lương, có vị Sa-môn từ Thiên-trúc thỉnh đến dâng tặng Vua Võ Đế (Tiêu Diển), gặp lúc Hậu Cảnh làm loạn, bèn đặt trên đỉnh tượng lớn tại chùa Tây Lâm ở Lô Sơn thuộc Giang Châu. Đến niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời Tùy, khi ấy Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đang trấn tại Giang Hải, rộng sưu tầm những vật lạ, Văn nghệ thư ký, đều gượng đi tìm, ngay trong tạp truyện có được ảnh tượng ký, bèn sai Trung Sứ Vương Diên Thọ đến núi suy tìm được. Vương Diên Thọ mới tự chí thành đón rước vào Nội điện cúng dường. Trong suốt thời gian trăm năm tại đất Phiên, thường có qua lại dựng đầy lầy hộp dẫn ở trước, mới đầu không nhà nào yên ổn, sau lên Trữ Nhị mới rước vào chùa Nhật Nghiêm ở Khúc Trì, không để cho người ngoài chiêm ngưỡng. Đến niên hiệu Võ Đức thứ 7 (624) thời Tiền Đường, phế bỏ đưa vào chùa Sùng Nghĩa, tôn tượng cũng theo chôn cất mà đến. Các hàng Đạo tục ở chốn Kinh ấp đều được trông xem kính ngưỡng. Trong đó, mọi sự biến hiện lượng định khó y cứ, hoặc là hình tượng Phật tháp, hoặc là Hiền thánh

trời người, hoặc là núi rừng phước lộng, hoặc là ba đường xấu ác, hoặc là trước sau thấy đồng, hoặc bỗng chốc biến đổi khác lạ. Đó đều là do mắt mọi người trông thấy rõ ràng, tin tưởng Nghiệp Cảnh (gương soi hiện nghiệp) chẳng sai lầm. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ sáu (632) thời Tiên Đường, Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc thỉnh vào Nội điện, nên bên ngoài không còn trông thấy nữa.

Lại nữa, trụ chùa Kim Tượng ở tương Dương thuộc Lương Châu, có thụy tượng Phật Vô lượng Thọ cao tượng sáu, pho tượng ấy vốn từ ngày mồng tám tháng hai niên hiệu Ninh Khương thứ ba (375) thời Vua Hiếu Võ Đế (Tư Võ Xương Minh (373-369) đời Đông Tấn, do Sa-môn Thích Đạo An tạo ra, qua mùa đông năm sau (376) thì trang nghiêm thành tựu. Bấy giờ, thứ sử Khích Khôi đến trấn tại phiên ấy. Pho tượng đó bèn đi đến Vạn Sơn, Khích Khôi bèn dẫn các hàng Đạo tục đến thỉnh về lại chùa cũ. Đêm đó, pho tượng lại ra đứng ngoài cửa chùa, khắp vùng mọi người đều khen ngợi, tấu trình việc ấy lên vua. Đến niên hiệu Phổ Thông thứ ba (522) thời Nam Lương. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) ban sắc đúc đài hoa bằng đồng mạ vàng cao sáu thước, rộng một trượng tại vườn Kiến Hưng và thỉnh tôn tượng ai trí trên đó, dựng lập văn bia khen ngợi, do Lưu Hiếu Nghi soạn văn.

Lại nữa, tại chùa Trường Sa ở Kinh Châu có thụy tượng. Vào niên hiệu Thái Nguyên (376-397) thời Đông Tấn, pho tượng ấy xuất hiện tại phía Bắc thành, có ánh sáng kỳ lạ đầy đủ như truyện trước. Thân tượng kỳ lạ cao đến bảy thước. Xưa kia, vào ban đêm, tôn tượng ấy kinh hành, mọi người cho đó là phi loại, bèn cầm dao chặt, sáng hôm sau đến xem, mới thấy là pho tượng bằng vàng. Chỗ lát dao chém hiện lần vết bên ngoài. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) thời Nam Lương thờ Phật kính pháp, tâm tình rất muốn gần gũi lễ bái, tuy thêm mọi sức phụng sự mà không hề đạt đến cùng, sau đó, Vua sai Thị Trung Quảng mang các thứ hương hoa đến cúng dường. Ban đêm bỗng nhiên phát ra ánh sáng tựa như theo người sứ mà đến. Sáng sớm lại đón rước thì lại ngăn ngại nên phải hết lòng cầu thỉnh mới được chấp nhận theo đến. Còn cách Thành Đô mười tám dặm, đích thân Vua Võ Đế đã ra đón rước, đến cuối đường lại phát ra ánh sáng nối nhau không dứt. Các hàng Đạo tục đều hân hoan vui mừng, đặt bày trong điện để cúng dường. Qua ba ngày sau, theo cửa lớn thỉnh đến chùa Đồng Thái. Cuối cùng gặp hỏa hoạn, chùa tháp đều cháy rụi, chỉ có pho tượng vẫn nghiêm nhiên hiện còn nơi điện thờ.

Lại nữa, dưới thời Vua Cao Tề, ở tại Định Châu, có thụy tượng Bồ-tát Quán Thế Âm và Kinh Cao Vương xưa kia. Vào niên hiệu Thiên

Bình (534-538) thời Đông Ngụy, Mộ Sĩ tôn kính Đức ở Định Châu tu tạo tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm ngay trong phòng ở. Sau khi hoàn thành thường luôn kính lễ. Sau đó, bị giặc cướp bắt dẫn đi giam vào ngục tù ở kinh đô, chẳng qua sự tra khảo. Tôn kính Đức bèn vọng nhận tội và chịu xử cực hình. Đến buổi sáng sắp hình quyết, trong tâm đã tha thiết chí thành, lệ đổ như mưa, Tôn Kính Đức bèn tự phát lời thề rằng: “Nay bị uẩn khúc, đó là do từ quá khứ đã từng uống hại kẻ khác mà ra, nay xin nguyện đền trả oan trái ấy cho hết. Lại nguyện xin vì tất cả chúng sinh có các sự hoạ hoạnh, đệ tử xin chịu thay.” Nói xong, chỉ trong chốc lát, dường tượng như ngủ, mộng thấy một vị Sa-môn dạy bảo tụng Kinh Quán Thế Âm Cứu Sinh. Kinh có danh hiệu Phật, bảo tụng ngàn biến thì được khỏi nguy ách nạn chết. Khi tỉnh giấc, Tôn Kính Đức bèn duyên theo kinh trong mộng, đọc tụng không hề sai lầm. Đến lúc mặt trời tỏ rạng thì đã được trăm biến, Hữu Ty nắm dây trói buộc dẫn đi, Tôn Kính Đức vừa đi vừa tụng đọc. Lúc sắp hành quyết thì tụng đã đủ ngàn biến. Kẻ sử cầm dao chặt, làm ba đoạn nhưng ba lần đổi dao, mà da thịt Tôn Kính Đức không thương tổn, lấy làm lạ đem việc ấy tấu trình. Thừa Tướng Cao Hoan dâng tấu Biểu Văn xin miễn gia hình. Bèn ban sắc truyền viết lưu hành ở đời, nay xưng gọi đó là Kinh “Cao Vương Quán Thế Âm”. Sau khi được thả trở về, Tôn Kính Đức xem ở cổ pho tượng do chính mình tu tạo tại phòng có ba lần dao, rất đổi buồn cảm, khóc gào vang động cả Hương Ấp.

Lại nữa, tôn tượng bằng vàng ở Tượng Dương của Di Thiên Thích Đạo An xưa kia đã trải qua các Triều Đại nhà Tấn, nhà Tống cho đến nhà Tề, nhà Lương, thường cảm ứng các Linh tướng, nghe thấy ở các ghi nhận trước. Mãi đến thời Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá diệt Phật giáo. Năm Giáp Ngọ nhằm niên hiệu Kiến Đức thứ ba (574) Thái Nguyên Công Chủ Bính là phó trấn Tướng ở Kinh Châu tấu báo với Khai Phủ Trưởng Tôn Triết thấy mọi người cung kính rất mực chí thành, trong lòng tức giận càng tức giận dữ dội, bèn bảo người hầu theo phá diệt cho hết, bảo trăm người lấy dây buộc vào cổ pho tượng lôi kéo mà không nhúc nhích. Tôn Triết cho là vô dụng, bèn tăng thêm sức lực, và dùng gậy đánh người làm việc. Cả trăm người cùng lôi kéo mà tôn tượng vẫn như cũ, tự nhiên và càng vững chắc. Lại thêm đến số ba trăm người kéo vẫn không lay động. Tôn Triết càng tức giận, lại bảo năm trăm người cùng kéo pho tượng mới ngã đổ, tiếng vang rung chuyển cả vùng đất, mọi người đều kinh sợ, chỉ riêng mình Tôn Triết vui mừng, tự mình rong ngựa muốn đến báo với Thứ sử. Vừa

mới đi được chừng trăm bước, liền rơi ngã xuống đất và liền bị câm, tứ chi không cử động được, đến tối thì chết. Các hàng đạo tục đều xướng reo thỏa lòng. Khi phá hủy pho tượng, ở dưới nách tà áo rũ ngược xuống có khắc bài minh rằng: “Năm Giáp Ngọ, tức niên hiệu Thái Nguyên thứ mười chín (394) thời Đông Tấn, Tỳ-khưu Đạo An tu tạo Tôn tượng bằng vàng cao tượng tám này, về sau một trăm tám mươi năm sau sẽ bị phá hủy.” Tính xét về năm tháng tạo dựng nên và phá hủy đều phù hợp. Vì vậy cho nên phải tin biết thí ấn của bậc Thánh sùng tạo dung phạm, động phát tâm vật, kỳ hạn sinh diệt, tướng thế gian khó thay đổi, rốt cùng của Nghiệp lý đâu thể lường đối?

Và thụy tượng của Vua A-dục ở chùa Trường Can thuộc Dương Đô, phát ra ánh sáng từ dưới mu bàn chân và khắp thân tượng điềm lành cảm khắp. Suốt năm đời các bậc Vương hầu đều cùng tôn kính như nói đầy đủ ở truyện trước. Mỗi khi gặp năm phải hạn hán, thỉnh tôn tượng vào cung phải dùng xe giá ngự kiệu, phía trên thêm khăn che, Tăng chúng đi theo sau tượng dùng lọng tự che, lúc đầu tuy lửa đốt nóng bừng thấu trời, nhưng pho tượng ra đến giữa đường thì không đâu chẳng mưa tràn ngập, nước nhà may mắn. Có năm mong cầu, do đó các hàng Đạo tục thường cầu thêm thời gian mưa. Đến niên hiệu Trinh Minh (587-589) đời Trần, khuôn mặt tôn tượng xoay về hướng Tây, người lo việc Giám Đường trị Nguyệt từng xoay lại theo hướng Chánh Nam, đến lúc sáng sớm hôm sau thì pho tượng lại xoay về hướng Tây như cũ, bèn tấu trình sự việc ấy đầy đủ. Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) ban sắc thỉnh đến điện Thái Cực, thiết trai hành đạo, trước có mũ bằng bảy báu đội trên đánh pho tượng, dùng các thứ châu ngọc trang sức nặng đến cả trăm cân, trên đó lại phủ thêm mũ gấm, qua đêm đến sáng, mũ báu bèn móc ở tay, mũ gấm vẫn còn ở trên đánh tượng, Vua (Hậu Chúa) nghe thế bèn đốt lò hương lễ bái và chú nguyện rằng: “Nếu nước nhà có điềm không tốt thì mũ lại rời khỏi!” Và bèn đưa mũ lên tôn trí lại trên đánh tượng, đến sáng sớm hôm sau, mũ lại rời khỏi đánh tượng mà móc ở tay như cũ. Mọi người trên dưới đều lo sợ, không ai chẳng xót xa bùi ngùi điềm ứng đó. Từ khi nhà Tùy phá diệt nhà Trần về sau, cả triều đình đều phối bày đầu mặt buộc trói nơi Kinh Thất, mới biết nguyên nhân ấy. Sau đó, Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-601) đời Tùy nghe biết điều đó bèn sai người thỉnh tôn tượng vào Đại Nội để cúng dường. Vì Tôn Tượng đứng nên vua thường hầu dân không dám ngồi đối diện, bèn ban sắc rằng: “Trăm tuổi già sức yếu không kham đứng hầu Phật được lâu, hãy bảo Hữu Ty tu tạo một pho tượng ngồi, hình tướng tôn tượng cũng y như

tượng gốc của Vua A-đục.” Rước đến tôn trí tại chùa Hưng Thiện. Khi đã đến chùa ấy, hình tượng tôn tượng to lớn không xứng hợp với tức cơ, bèn tôn trí ở mặt phía Bắc. Đến sáng hôm sau, thấy tôn tượng ở trong cửa mặt phía Nam, mọi người đều lấy làm lạ, bèn thỉnh đến mặt phía Bắc dựng yên và khóa cửa lại. Qua sáng hôm sau đến xem thì tôn tượng lại ở mặt phía Nam, mọi người đều hổ thẹn sám hối lỗi khinh thường ấy. Liền thấy tại chùa bức vẽ rất lớn.

Lại nữa, Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương rất tôn kính chư tăng, ưa chuộng linh nghi. Tu tạo hai pho tượng bằng vàng và bằng bạc, tôn trí tại điện Trùng Vân, sớm tối lễ kính, suốt năm mươi năm không hề phế bỏ. Đến lúc Hậu Cảnh muốn cướp ngôi, vẫn còn cúng dường. Thái Úy Vương Tăng Biện giết Hậu Cảnh tại Giang Nam. Nguyên Đế Trữ cung lại mất, Vương Tăng Tiện bèn thông giao với nhà Tề, rước Trinh Dương Hậu về làm Vua. Bấy giờ, tại Giang Tả chưa yên định, lợi hại cùng tranh hùng, con rể của Vương Tăng Biện là Đỗ Khâm làm điển vệ cung quyết, vì tánh tình hang hãn, không thấy việc đời sau, muốn phá hủy hai pho tượng ấy làm thành vàng thoi, bạc thoi, lúc đầu bảo vài mươi người làm Tam Hưu đục khoét cổ tượng Phật. Hai pho tượng bỗng nhiên đồng một lúc xoay lại nhìn, những người bị sai bảo bằng trúc, khảm thân sưng bầm xanh tím, chỉ thấy hình tượng Kim Cương lực sĩ khủng bố đưa nhau đến đánh không tạm ngừng nghỉ, bèn gào khóc âm ỉ qua mấy ngày thối rửa mà chết. Đến lúc thời vận nhà Lương đã thuộc nhà Trần, Vua Võ Đế băng, con của người anh là Trần Thiển nối tiếp nghiệp lớn, sắm sửa sang táng cụ, tạo lập xe tang, nước nhà mới bắt đầu yên định, chưa vội kinh thi, ban sắc đến lấy các thứ tôn tượng Phật, màn trướng báu, ngọc hành ngọc bội, châu ngọc hoa oanh trang sức ở điện Trùng Vân dùng vào việc tống chung, sức người đã đầy bốn phía đều đến, mà chỉ thấy mây khí ùn kết vây quanh điện Phật, ngoài ra ở phía trái, có mặt trời màu trắng tỏa sáng. Bách Cúc người thợ nghe lấy làm lạ cùng chạy đến xem, phút chốc mưa lớn tuôn đổ, sấm sét nổ vang rung chuyển, mây khói nhả bay, mồm chim Diệt phun lửa cháy dữ trong mây, phát ra ánh sáng, lửa cháy bùng trên dưới xen lạn lẫn nhau. Và thấy trong bóng điện Trùng Vân hai pho tượng cao vời, bốn bộ Thần Vương cùng một lúc đồng vọt bay lên, khói lửa cùng hỗ trợ, bỗng nhiên ra xa rồi biến mất. Mọi người đến xem đầy khắp Thành Đô, đều sinh tín sâu. Sau khi mưa tạnh, đến xem lại chỗ cũ, chỉ thấy đá tảng nâng đỡ cột trụ hiện còn. Đến hơn một tháng sau, có người từ Đông châu đến nói ngày đó cũng trông thấy bóng điện bay về hướng Đông ra

Biển. Nay có người nhìn ra biển thì cũng thấy.

Gần thời Cao Tề, có Sa-môn Tăng Hộ là người giữ Chí Đạo, tâm ngay thẳng, chẳng cầu tuệ nghiệp, nguyện tạo một pho tượng bằng đá cao một trượng tám. Cảm lạ lời ước nguyện ấy, về sau đến nơi hang cốc ở phía Bắc của chùa thấy một tảng đá nằm dài đủ trượng tám, bèn tìm kiếm các thợ để đục tạc tượng, qua một vòng thì khuôn mặt và bụng đã tạc xong, chỉ còn lưng dính nơi đất, bèn dùng sáu dụng cụ để bẻ nâng, nhưng vẫn y nhiên như lúc đầu không nhúc nhích. Qua đêm đến sáng bỗng nhiên bỗng nhiên tự vut bay, liền đến đục tạc xong dờn vào tôn trí trong Phật Đường. Đến ngày Tấn châu bị vùi lấp, tôn tượng ấy đổ mồ hôi dưới đất. Binh lính nhà Bắc Chu vào đất Tề đốt phá các chùa Phật, riêng pho tượng ấy không hề biến đổi sắc mầu. Lại muốn xô ngã tượng, người và trâu có hơn sáu mươi cùng kéo mà vẫn không lay động. Bỗng chốc có vị tăng lạ đến dùng cây gỗ đất bùn đắp lũy vây quanh, chỉ khoảnh khắc công việc xong xuôi, vị tăng ấy biến mất. sau đó, pho tượng ấy giáng hiện mộng vào người có tín tâm, bảo rằng: “Tôi bị khổ hoạn nơi ngón tay đau nhói”. Người ấy tỉnh giấc bèn đến xem mới thấy cây gỗ làm tổn thương hai ngón tay của pho tượng, liền vá đắp. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời Tùy, có kẻ trộm lấy phước lọng nơi pho tượng, mộng thấy có người thân hình to lớn, trượng tám vào phòng chê trách, kẻ trộm bèn sợ hãi hổ thẹn sám hối mà trả lại. Pho tượng ấy đến nay vẫn hiện còn, đều thấy nêu bày Dị Ký ở trong các tầng lục. Những sự cảm thông ấy trong Phật giáo đều đầy đủ rõ ràng, nhưng là cửa Phước thì không gì chẳng linh ứng. Trộm lấy tượng lánh kéo lửa thiêu đốt, muôn thú kinh hãi Tà Đạo. Che lấp dị thuật, kinh thiêu đốt không thành tro bụi. Linh cốt phát ra ánh sáng thần, Mật Tích dấy khởi hoằng hộ. Những điềm tượng ấy rất nhiều, đầy đủ như trong văn trước.

Vào niên hiệu Trinh Quán thứ năm (631) thời Tiền Đường, có người mẹ của đệ tử Sa-môn Tuệ quang trụ chùa An Dưỡng ở Lương Châu, vốn rất nghèo khổ, đến nỗi không có chiếc áo lót, nhân vào trong phòng người con lấy được chiếc áo ca-sa cũ cắt may để mặc, cùng các người mẹ chung quanh đồng nhóm họp nói cười. Bỗng cảm thấy nóng đốt từ dưới chân dần lên đến eo lưng, chỉ chốc lát sấm sét đánh ném các người chung quanh văng ngoài trăm bước, đất bùn bít cả hai tai, chết giấc qua hôm sau mới tỉnh lại, còn người mẹ ấy bị sấm sét đánh chết, lửa thiêu cháy co quắp, nơi lưng có đề chữ rằng: “Do dùng pháp y không đúng như Pháp.” Người con bèn tắm liệm an táng, lại bị sét

đánh văng ra ngoài, thi thể lộ bày dưới rừng về sau mới tiêu tan. Vậ đủ biết thọ trì pháp phục, tuệ ban đến loài rồng cũng thọ tam quy, Tin chẳng luống dối dối.

Gần đây có vị Tăng ở núi, ban đêm ngủ trong hang sâu dùng Pháp y ngăn che miệng trước hang, cảm có vị Di Thần đến hình tướng rất đáng sợ, hiện bày đưa cánh tay vào trong muốn chụp lấy vị tăng, nhưng sợ xúc chạm đến pháp y nên ngăn ngại không thể vào được, nhờ đó vị tăng ấy được thoát chết. Các điềm tướng như thế không thể ghi chép đủ, như trong các trường hợp trên dưới.

3- Truyện ngài Thích Tuệ Đạt trụ chùa Bạo Bố ở núi Thiên Thai:

Thích Tuệ Đạt, họ Vương, gia đình vốn ở tại Tương Dương. Từ thuở nhỏ, Sư đã nhập Đạo, khéo tu thành việc. Hoặc lên núi xuống sông, hoặc đi đến xóm ấp, chỉ nương nơi chỗ tốt đẹp đều gá tâm vào chùa viện, hoặc sửa sang chấp vá các nơi hư phế làm thành phòng nhà của Thích Môn.

Sau, Sư đến núi Thiên Thai trụ chùa Bạo Bố, tu thiền buộc nghiệp. Lại đi về hướng Bắc đến núi Võ Đang, tĩnh nhiếp như trước. dưới thời nhà Trần (557-589) có một thời gian, bệnh cảm dịch lệ lan tràn, trăm họ chết hơn một nửa. Sư bèn trong mới dấy khởi lòng từ muốn bố thí, bèn đến nơi chợ lớn ở Dương Đô, lập ra kho thuốc lớn ai cần thì cung cấp, Sư cứu giúp càng ngày càng rộng lớn. Các chùa ở Kim Lăng có số lượng hơn bảy trăm ngôi, trải qua năm tháng, lâu dài, hư hoại gần hết. Ngài bèn khuyến hóa sửa chữa chấp vá hơn ba trăm ngôi, đều chỉnh trang ngôi sáng nghiêm sức mở thoáng có khác bình thường.

Vào niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Sư đến chùa Bạch Tháp ở Dương Châu, tạo lập tháp gỗ bảy tầng, gỗ đá đã đầy đủ giao phó cho người sau tạo lập, Sư bèn đi ngược dòng sông đi về hướng Tây, đến các Quận Bà Dương, Dự Chương, xem xét công đức, nguyện cùng các chúng sinh đồng phước duyên ấy. Nên các Phong Ấp nào Sư đến thấy ở phường nào có chùa chiền Thiên viện, linh tháp thần nghi, bất kể là bằng vàng hay cây gỗ đất đá, Sư cũng đều đốc suất khuyến hóa tạo thành, số lượng chẳng phải một vài nơi. Về sau, được Sa-môn Tuệ Vân thỉnh mời, Sư bèn đến trụ ở Lô Nhạc, xây dựng chùa Tây Lâm, lầu gác bảy gian đều xây dựng bằng gỗ Loan, Lô, sáng ngời cả thế núi. Ngày bắt đầu tạo dựng, thề nguyện phải sử dụng bằng gỗ Hoàng Nam (gỗ chò), khắp trong khu vực tìm kiếm mà không có được một cây. Mọi

người đều muốn thay đổi bằng các loại gỗ khác. Sư bảo: “Thành Tâm ở tại đây, đâu phải tìm cầu các thứ khác. Chỉ vì chí thành không cảm nên tìm kiếm không được toại nguyện. Hẳn tâm cầu mong quả quyết thì cây thông tán đều biến thành gỗ Hoàng Nam, nếu cầu tìm không được, thì thì gác sẽ không có ngày hoàn thành.” Mọi người đều sợ lời nói ấy của Sư, nên đi khắp bốn phía để tìm kiếm. Mới đến núi Hạ sào cũng thuộc trong địa vực cảm có một cái hang toàn là cây gỗ Hoàng Nam, mà lại nằm nơi sâu dưới cùng khe suối, không làm cách nào lấy đem ra được. Sư tìm đến bên vách sườn núi, thấy có một chỗ thoáng qua ánh sáng, nhìn thấy trong đó có thể làm đường thông đưa gỗ ra, mà chỉ có năm thước hơn, ngoài ra đều là chân trời. Sư bèn kéo gỗ đá đến nơi đầu dòng, giữa đường gặp dòng thác đổ nước xoáy, bè cặp đều hư hoại. Khi về đến non Lô, không mất một cây nào, do đó, các đưng tạo thành, rộng lớn hơn cầu kết trước. Sau đó, bỗng nhiên nghiêng về hướng Nam ba thước. Các thợ thiết kế không có cách naao sửa lại cho ngay ngắn. Có khe Thạch Môn ở phía nam gác, bỗng nhiên có gió mạnh thổi về hướng Bắc, gác trở lại ngay ngắn. Đến nay hiện vẫn còn.

Về sau, Sư lại đến Trường Sa, đúc chuông tạo tượng. Các nơi Sư đến đều như cỏ rạp theo gió, mọi người đều dốc lòng dâng cúng vàng bạc, đua nhau thực hành còn sợ Sư không nhận. Sư tùy Tánh tạo chân, nói năng không chải chuốt, y cứ vào kinh điển mà dẫn dụ, dốc lòng khuyên hóa vật tình. Nhưng Sư ăn mặc rách rưới thô xấu hết chỗ trông nhìn. Bên ngoài bao gồm mọi việc lớn lao, nhưng bên trong bên bỉ tu sửa tĩnh lặng. Người bên cạnh trông thấy Sư trầm mặc, dường như không thể nói được. Nhưng Sư chỉ huy ứng phụ lập có thành toại. Đó tức là ở nơi phiền mà không nhiễu, hẳn là người ấy.

Sư lại vì chùa Tây Lâm, gác đã hoàn thành mà còn thiếu tôn tượng, nên Sư lại men theo dòng tu tạo xây dựng đầy đủ, nên khắp gác đều đầy đủ, đó là do công đức của Sư.

Đến cuối tháng bảy niên hiệu Đại Nghiệp thứ sáu (610) đời Tùy, chứng bệnh cũ bỗng nhiên tái phát trở lại, suốt bảy ngày Sư nằm tựa, có mùi thơm lạ xông tỏa vào phòng nhiều quanh như mây. Tôn tượng thiết trí trong gác đều đổ mồ hôi xuống đất. Đại chúng thấy điềm tượng ấy, biết Sư sẽ thị tịch, các quan nhân xem xét, tấu trình sự việc ấy đầy đủ, thần sắc chí khí Sư vẫn như thường, an nhiên thị tịch, thọ tám mươi bảy tuổi.

4- Truyện ngài Thích Tăng Hoảng trụ chùa Chấn Hương ở Miên Châu:

Thích Tăng Hoảng, họ Phùng, người xứ Nam Xương ở Phù Thành thuộc Miên Châu. Thân Sư cao tám thước, dáng mạo cao lớn, oai dung nghiêm chỉnh, mọi thi vi nằm trong khuôn phép, mà mắt như chim ưng, thân hình tợ hổ, đi như chim nga, bước tợ voi chúa, lời tiếng oai hùng rõ ràng, chí lược rộng xa. Giềng mối đảm nhận giáo pháp rất có tướng Thạch trụ, nên khiến cho các bậc lãnh tụ các xứ Mân Ba đều cùng kính ngưỡng.

Ngày trước, khi đang độ tuổi Chí học, Sư có văn tài bác đạt, người đương thời đều ngợi khen. Sư từng mộng thấy tay mình tự nắm lấy mặt trời mặt trăng, ngồi giữa thái hư, bỗng nhiên nhằm chấn thế tục, vui mừng mến mộ muốn xuất gia, tự lấy tên là “Tăng Hoảng. Song Cha mẹ Sư không chấp thuận bèn xích hai chân Sư vào cột trụ nhà. Sư quyết chí đã dứt bật, thệ tâm không thay đổi, chẳng đời sớm tối, vòng khóa tự nhiên mở. Sư bèn tự than rằng: “Chỗ mà chí khí nói đến, núi non vì đó mà lay chuyển, sông ngòi vì đó mà dứt bật, thành đài vì đó mà sụp đổ. Biển khơi vì đó mà khô cạn, trời trăng vì đó mà thẫm mất ánh sáng, Núi Tu-di vì đó mà sụp đổ. Huống gì cây vàng cùm trói chân gà mà đáng nói ư?” Cha mẹ nhìn thấy sự minh cảm ấy bèn mặc tình để Sư nương theo Đạo hóa, Sư bèn nương tựa Pháp sư Thoán mà xuất gia thọ nghiệp.

Sư học thông các Kinh Đại thừa, tiểu thừa, sớm tối chẳng biếng trễ, vào cuối thời Nam Lương, đầu thời Bắc Chu, trong Phật giáo rối ren, thực hành phần nhiều sơ lược, xa đối Tỳ-ni. Sư tuy chưa nghe đến giới cụ túc, mà vượt xa khác lạ, ít hay tinh cần khổ tiết, tánh tự giữ gìn, rốt cùng chẳng phải do thầy bạn thành lập cho. Đại chúng thấy đều kính vái thần vũ nơi Sư, thậm cùng cao chuộng. Sau khi đăng đàn thọ giới cụ túc, Sư chuyên nghiên học về Luật Thập Tụng, chỉ qua vài năm khổ nhọc mà sáng soi tinh thực, tham cứu tinh vi đến cùng tận, cao sâu đáng tôn sùng. Từ niên hiệu Bảo Định (561-566) thời Bắc Chu về sau, Sư lại tìm đến Trường An, học Luật Tăng-kỳ, xét tìm yếu chỉ sâu mầu. Có khó khăn sẽ nghiên cứu, thì vướng mắc ấy sẽ thông. Sư lại đến chỗ Thiên sư Đàm Tướng bảm thọ Tâm pháp, Quán Đạo tròn đầy thanh tịnh do đó càng khai mở. Lại đến chỗ Thiên sư Khai, hành đạo Phương Đẳng, đồng nhập vào thời luân, chẳng ai bằng Sư, từ đó ít có người truyền. Do vì Sư lo, tạo nhiều phước nghiệp, nhọc làm việc hữu vi, vì thế mà ẩn cư, đời không khen ngợi, đã là xa gần ngợi khen đức hạnh, tiếng tăm Sư vang

xa đến chốn Thiên Đình. Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu ban sắc mời Sư vào điện Minh Đức. Sư nói bàn khai diễn rất xứng hợp với Thánh tâm, Vua mới phong cho Sư là “Bổn Châu Tam Tạng”!

Đến lúc thời vận nhà Tùy ngự trị thiên hạ, Vua Văn Đế (dương Khiêm 581-605) ban sắc giao phó Sư nhậm chức Tăng Chánh, giúp ngự trị Bổn ấp, nhưng Sư cương quyết thẳng thắn, thưởng phạt rất nghiêm túc bình đẳng. Nên mọi người khắp xứ Miên Châu, Ích Châu đều kính phục đạo phong. Các hạng sang hèn đều kính vâng. Trước sau làm chủ châu có hơn mười người. Sư đều truyền trao cho giới hương, bỏ ác làm lành. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười lăm (595) đời Tùy, ở tại trong chùa, Sư lại thiết đặt chúng đầu-đà, mọi việc chúng tăng thấy đều miễn khỏi để dẫn dắt người rơi lạc. Từ niên hiệu Nhân Thọ (601-605) đời Tùy, Sư lại đốc suất chúng tăng trong chùa đọc tụng tạng kinh, xong rồi thì trở lại từ đầu không ngừng dứt. Mọi sự cung cấp cúng dường đều xuất từ tục duyên, và chính do Sư chỉ trao. Nên phước báo đạt đến như suối tuôn không khô cạn, Tăng nghiệp hưng thịnh, phương loại suy cử.

Đến mùa Đông niên hiệu Võ Đức thứ nhất (518) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Chấn Hưởng, thọ tám mươi lăm tuổi. Lúc đầu, lúc ngài chưa tịch, hồ sen nơi Phật Đường tự nhiên khô cạn. Hàng Trúc bên cạnh hồ vô cớ tự nhiên khô chết, Tường Vi trong chùa trái thời tiết mà trở hoa ngời sáng như tháng hạ. Tăng chúng trong chùa cho là hai điềm tươi khô không gì chẳng mang đức sinh diệt, khác với bình thường, nên cảm ứng như thế.

5- Truyện ngài Thích Trúc Lực trụ chùa Trường Lạc ở Dương Châu:

Thích Trúc Lực, là người xứ Dương Cù thuộc Hà Nam. Lánh đất từ quận Ngô đi đến ở huyện Tiền Đường, nhân đó mà xuất gia. Sư trước đã gieo trồng nhân tốt, sớm tu tuệ nghiệp. Vừa mới tám tuổi, Sư xuất gia học đạo, khí vũ ngưng tụ cao vợi, rộng lòng tiếp ngộ. Tiếng tăm dần dần cao tỏa, vang khắp các hàng Đạo tục.

Dưới đời Trần, Vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-583) xây dựng chùa Thái Hoàng ở phía trái kinh thành rất rộng lớn, hết bật tuyển phủ, bèn ban sắc mời Sư trông coi trăm người thợ, nên được đo lường chỉ huy, thế rất nghiêm tịnh. Đến niên hiệu Chí Đức thứ hai (584) đời Trần, Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) lại ban sắc thỉnh Sư làm chủ chùa. Bấy giờ, ở Giang Biểu đang chìm đắm, tăng chúng tán loạn. Sư bèn mang tích tượng đi khắp để tìm thắng địa. Đi đến Giang Đô, dừng trụ tại chùa

Trường Lạc, dừng tâm ở đó.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười ba (593) đời Tùy, Sư xây dựng ngôi tháp năm tầng, vàng cuộn sáng chói vợ đẹp xinh. Khắp xa gần đều đến chiêm ngưỡng. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (597) đời Tùy, khi đó, Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đang ở tại Tấn phiên lại đến Giang Hải, do Sư đảm nhận việc chùa, công phu khéo sửa tạo cho nên như thế. Xưa kia, Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương có được pho tượng Phật do Vua Ưu-điền tạo dựng, thân tướng tốt lành khó thể ghi chép, ở tại chùa Long Quang thuộc Đan Dương. Đến lúc nhà Trần mất nước, đạo tràng bị đốt phá. Sư bèn thỉnh tôn tượng ấy và tôn tượng Phật Định Quang của Vương Mật đều đưa đến chùa Trường Lạc, dốc hết thân tâm cúng dường. Nhưng vì điện vũ nhỏ hẹp chưa thể trang nghiêm hết, nên Sư bèn khuyến hóa, chỉ dẫn bốn Bộ Vương Công thứ dân cùng nhau sửa sang lầu cao và cặp theo hai lầu. Tại chùa, Tăng chúng lớn nhỏ có hơn ba trăm vị, đều cùng vui mừng xả thí, cùng nguyện xây dựng. Sư bèn hướng dẫn các đồng bạn có hơn hai trăm vị tăng cùng đến Dự Chương chẻ núi, chặt gỗ. Sức người đã mạnh khỏe, khuôn thước Sư chỉ bảo khéo được hết vật tình, nên ngay năm đó lập thành. Chế đặt hoa nhã đẹp xinh, năng lực như thần, rộng thoáng cao bày, vượt trội trùm khắp vùng. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ tư (608) đời Tùy, Sư lại xây dựng tầng phòng khắp bốn phía, hiện vũ, nhà trù, trai đường, kho lẫm thấy đều đầy đủ, nên khiến chúng tăng thường luôn nhóm họp. Không do đâu dứt sự tiếp nối. Sư lại đến kinh đô, rất được ban giáng ân lễ, Sư về lại Giang Đô lại đội ân sắc ban an ủi. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười (614) đời Tùy, Sư lại dốc hết của cải riêng mình mua sắm gỗ chiên Đàn hương mô phỏng thụ tượng Đức Phật và hai vị Bồ-tát, không bao lâu thì hoàn thành và đều được thờ trong lầu. Đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười bốn (niên hiệu Đại Nghiệp chỉ có mười hai năm (605-617) nhà Tùy tán loạn, các hàng đạo tục sống lưu vong, hài cốt héo khô đầy khắp các đường chợ, Sư nguyện đem Thân mạng để giữ gìn điện các. Chùa ở dưới ánh trăng đơn, Sư nhìn bóng làm bạn, ăn đậu uống nước, lại lia nóng lạnh. Tuy tuổi tác già nua mà tâm lực Sư khỏe mạnh, bụi rơi trên áo, lửa đốt khắp bốn phía. Sư vẫn miệng tụng kinh không ngưng nghỉ, tự tay sửa lấp. Bọn giặc than khóc, người thấy buồn than, luôn thay đổi tâm cùng giúp nhau tu bổ. Đến lúc thời vận nhà Tiền Đường hưng thịnh, mở mang Đại pháp, Chư Tăng xưa và các chúng khác đều đến nương tựa. Nhà cửa khắp xóm ấp đều bị đốt phá, mà chỉ riêng chùa ấy vẫn còn.

Đến niên hiệu Võ Đức thứ sáu (623) thời Tiền Đường, người cầm đầu bọn giặc ở Giang Biểu là Phụ Công Hữu cậy nơi hiểm trở sửa sang Bình Bị, ngầm muốn làm phản, có hơn trăm ngôi chùa quán đều đưa về Giang Nam. Sư bèn gửi thư đôi ba phen cầu xin nguyện thiêu thân ở trước lầu để lưu lại chùa viện. Phụ Công Hữu Ngụy hiệu là Tôn Xưng trong ý muốn phá diệt hết, tuy đọc được thư Sư mà không hề doái hoài. Sư bảo các đệ tử rằng: “Tôi từ vô lượng kiếp đến nay chưa nhóm tham ái, chẳng xả bỏ thân mạng để báo ân Phật Pháp. Nay muốn ở trước Phật tự nhận lấy tận quyết, không nỡ trông thấy tôn tượng đưa đến Giang Hà, hãy chất củi khô để tự thiêu thân cúng dường. Sau khi tôi qua đời, tôn tượng phải đi về phía Nam, các thứ y phục, của cải đều đưa vào tôn Tượng, than khóc thí linh theo lý nên thay đổi.” Sư bèn dùng nước nóng thơm tắm gội, xong rồi ngồi kiết già xoay mặt về hướng Tây, bật lửa tự thiêu đốt. Sư thị tịch giữa đồng lúa đó, thọ tám mươi tuổi. Lúc đó nhằm ngày mồng tám tháng mười niên hiệu Võ Đức thứ sáu (623) thời Tiền Đường.

Sau khi Sư qua đời, lửa tắt, nhục thân Sư vẫn chấp tay an nhiên. Lại phải trà-tỳ, đồng một lúc đều tiêu tan hết. Lúc Sư ở trước tôn tượng Phật tự thiêu đốt, có đàn chim Thước kêu buồn, tiếng nghe rất thảm thiết, bay nhiều quanh bên phải, bầy vòng rồi mới bay đi thẳng. Sau khi Sư thị tịch, quả nhiều tôn tượng dời chuyển về hướng Nam, Điện gác, phòng hiên không bị thiêu đốt. Pháp Bảo, Môn Tuệ An, Trí Trách v.v... vì tình thầy trò nghĩa nặng, cậu cháu ân sâu, nên dựng lập bia cao ở trong chùa. Đông Cung Thứ Tử Ngu thế Nam soạn văn. Nay, tôn tượng ấy lại được rước về thờ tại gác cũ của Sư.

6- Truyện ngài Thích Trí Hưng trụ chùa Đại Trang Nghiêm ở kinh đô:

Thích Trí Hưng, họ Tống, người ở xứ Lạc Châu. Sư có tánh hạnh khiêm cung kiêu ước thành việc, mài giữa đức hạnh bền bỉ sáng ngời. Sư trì tụng các kinh đến mấy mươi quyển và hành Pháp yếu có mấy ngàn hàng, tâm miệng cùng theo nhau không nghỉ lúc sớm tối. Sư ở tại chùa Thiền Định, nay tức là chùa Đại Trang Nghiêm. Lúc đầu, Sư nương tựa Luật sư Thủ, cùng theo đến các giảng hội, năng lực tư duy trong sáng, các bạn đồng tu đều đề cao Sư. Nêu lên câu hỏi, văn từ bén nhạy, lại khéo trôi chảy, chẳng thương tổn thứ lớp. Bấy giờ, mọi người cho rằng Sư thực hành vô tránh.

Tháng mười một Đại Nghiệp thứ năm (609) đời Tùy, theo thứ lớp,

Sư lên đảm nhận công việc Duy Na, thời khoá hô chuông làm việc, Sư chăm chỉ siêng năng, không phiền nhiễu chúng tăng. Trong chùa có Sa-môn Tam quả, người anh theo Vua đi về hướng Nam tới Giang Đô, mới giữa đường bị qua đời, ban đầu không biết lành dữ, bỗng nhiên người anh ấy giáng mộng khi người vợ ngủ mà nói rằng: “Tôi đi theo vua vừa đến Bành Thành, không may bệnh chết, bị đọa vào địa ngục trải qua đủ năm thứ khổ dữ dội, khó thể nói hết, mà không ai hay biết gì về tôi! May nhờ vào ngày mồng một tháng này (11) được Sa-môn Trí Hưng ở chùa Thiên Định hô chuông, phát tiếng vang vọng rung chuyển chốn địa ngục, nên mọi người chịu khổ cùng một lúc được thoát khỏi. Nay tôi được sinh về cõi an lành vui sướng, nghĩ muốn báo đáp ân đức ấy. Nên sắm đủ mười xấp lụa để dâng cúng Sư và nên trình bày về ý của tôi!” Người vợ ấy thức giấc lấy làm lạ về nguyên do của điềm mộng, bèn kể cho mọi người biết, lúc đầu không tin. Sau lại giáng mộng tiếp, các thầy đồng bóng đều trình bày lời nói trước. Qua hơn mười ngày, hung tin chợt đến, hợp với điềm mộng. Sa-môn Tam quả bèn dâng cúng lụa cho Sư. Sư tự tỏ bày cho mình là kẻ Vô Đức, nên đều cúng thí cho đại chúng. Có người hỏi Sư rằng: “Do duyên gì mà hô chuông mới cảm được điềm ứng ấy.” Sư đáp: “Tôi không có thuật gì khác, thấy trong Phó Pháp Truỵện, Kế Nị Sát Vương Kiếm Luân Đĩnh Sự và Kinh Tăng nhất A-hàm nói về Công Đức của tiếng chuông, tôi kính vâng việc đó, gắng sức thực hành. Mỗi lúc mùa Đông lên lâu, gió lạnh cắt thịt, chừ tăng cấp cho áo da để cầm dùi chuông, giá lạnh rách thịt, trong lòng bàn tay máu ngừng đọng, tôi không vì thế mà từ nan. Lại đến các chùa, mới đầu hô chuông là nguyện cầu các vị Hiền Thánh đồng vào đạo tràng, sau đó ba lần gióng chuông rồi lần lượt gióng dài và rất mực chí kính như trước, nguyện cho các loài đang ở trong các đường xấu ác nghe tiếng chuông này, cùng một lúc được lìa khổ. Hạnh nguyện như thế, chí tôi thường vâng tu, đâu chỉ thành kính sơ sài mà có thể cảm ứng được xa!” Mọi người rất kính phục lời nói ấy của Sư.

Đến tháng ba niên hiệu Trinh Quán thứ sáu (632) thời Tiền Đường, Sư bị bệnh, chỉ thời gian ngắn, mà tự biết trước ngày thị tịch, xả bỏ thân mạng của cải, mời tất cả các vị thầy bạn cùng đến, nhân lúc thọ trai mà nói lời già biệt. Sau đó không lâu, Sư thị tịch chùa Đại Trang Nghiêm, thọ bốn mươi lăm tuổi, an táng trong hang Đỗ Thành.

Ngài có vị đệ tử là Sa-môn Thiện Nhân, là bậc Tông Sư giới Phạm, giảng Luật Tứ Phần, giảng Kinh Pháp Hoa, Phước tuệ thâm sáng, nổi tiếng ở Kinh Ấp.

7- Truyện ngài Thích Đạo Tích trụ chùa Phổ Cứu ở Bồ Châu:

Thích Đạo Tích, là người xứ An Ấp thuộc Hà Đông. Họ Tương Lý, tên là Tử Tài. Khi đã vào huyền môn lại đổi tên là Đạo Tích. Sư là con cháu của Cái Trịnh Đại Phu Tử Sản. Xưa kia, khi Tử Sản mới ra đời lòng bàn tay nắm chặt, bèn mở tay ra xem thì có chữ Tương Lý”, về sau nhân đó mà lấy làm họ. Sư có thân tướng cao lớn, khôi ngô rất có chí lớn, khéo học bao gồm, Tông chuộng nghiêm quân.

Sư sớm tập học Khâu Phần, thần khí ngời sáng. Năm mười hai tuổi muốn xuất gia mà Sư chưa biết đến đâu. Gặp được Luật sư Hồng Trạm thấy Sư có sự kỳ đặc, bèn xuống tóc cho, Sư ẩn tích nơi Song Nham. Sau đó, lại đến nương tựa Thiền sư Pháp Lăng cầu học Tâm Pháp. Sư ẩn bóng ba năm chẳng bước chân ra khỏi cửa núi, nhưng vì u chứng là khó, thánh giáo cần phải trải qua. Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười ba (593) đời Tùy, ngài ôm bát đi khắp, tham cầu giáo nghĩa, trên đường đi qua Thương Hải, Ký Hải đến chùa Viên Hành, Sư nương tựa Pháp sư Phổ Hưng, tìm học Kinh Niết-bàn, vui mừng được nghe pháp chưa từng nghe. Bốn năm sau, tình thông ba việc, Sư rất được các bạn đồng học mến trọng. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười tám (598) đời Tùy, Sư vào kinh đô, nương tựa Pháp sư Minh Cập ở chùa Bảo Xương, cầu học Địa luận. Lại đến nương tựa Pháp sư Trí Ngưng ở chùa Biện Tài, học Luận Nhiếp Đại thừa. Đối với Thập Nghĩa Huân Tập sáu phần chuyển y, Vô Trần Duy Thức, trải qua một thời gian Sư đã tỏ ngộ. Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (602) đời Tùy, Sư lại đến Tinh Châu, đến chỗ Sa-môn Pháp Lăng ở chùa Võ Đức, nghe giảng Kinh luận Địa Trì, nên Sư thành đạt được Thập Pháp Tam trì cùng tận cội nguồn.

Đến tháng bảy niên hiệu Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy, Dương Lương làm loạn, Sư bèn cùng các Đồng bạn như Sa-môn Tố, Sa-môn Kiệt v.v... đi về hướng Nam, đến Bồ Phản. Khi đã đến quê cũ, Sư đại hành pháp hóa, trước tiên giảng Kinh Niết-bàn, sau ngài giảng Luận Nhiếp Đại Thừa. Và các Dịch Bộ thường luôn truyền bá. Đến lúc gần năm mươi tuổi, Sư chỉ hoằng truyền Kinh luận Địa Trì, lấy làm điểm cùng cực của sự răn dạy khuyến hoá, đặc biệt gọi là yếu luận khai Tâm, nên các hàng Đạo tục thành tượng đều thấm nhuần ơn pháp hóa, kết tông từ huấn xa gần đều thông hợp. Nhưng Sư rất phòng giữ phiền não, lại cẩn trọng hiểm nghi dèm pha, nên đối với ni chúng đến nương tựa quy y, Sư chẳng từng đoái hoài dặt dấn. Sư từng bảo với đồ chúng rằng: “Người nữ làm dơ bản giới hạnh, trong Thánh Điển thường nói, Đức Phật độ cho họ xuất gia làm tổn giảm Chánh Pháp. Chỉ mới nghe tên đã dơ bản tâm,

huống gì đối mặt mà không nhiệm ư? Vả lại, Đạo quý ở thanh tịnh hiển hiện, chẳng can dự phi lạm, tục trọng xa hiêm. Người quân tử phải kính phụng. Tôi tuy chẳng bằng, nhưng xin vâng theo độ ấy.” Do đó, mà việc cầu xin thọ giới dạy trao, đến lúc tuổi già Sư chẳng hề bước đến. Nếu có muốn tham yết thừa hỏi, Sư cũng chẳng cho vào phòng thất. Đó chính là cốt cách nghiêm khiết chính mình, trong sạch trình thuần bước đi lên, nên các bậc tài giỏi ở Hà Đông hchẳng đồng với phong thái của Sư.

Trước tiên là có Sa-môn Bảo Trừng vào đầu đời Tùy ở chùa Phổ Cứu bắt đầu đắp tạo pho tượng lớn cao trăm thước. Cả muôn công thợ mới lên được một, chưa hoàn tất ước nguyện ấy mà ngài Bảo Trừng đã sớm thị tịch. Các bậc lão túc kỳ đức trong xóm ấp thỉnh Sư kế tiếp công việc ấy. Sư chỉ vì Đại tượng chưa thành, lại dất dẫn bảy quý mà tạo dựng. Tu tạo dựng xây suốt mười năm điêu khắc điểm trang đã hoàn thành. Các hàng Đạo tục đều hoan hỷ vui mừng. Lúc đầu, vào tối hôm Sư nhận lời mời thỉnh thì nằm mộng đến bên sườn núi thấy có hai con sư tử ở bên cạnh Đại tượng liền nhả các hạt ngọc sáng tương tục không ngừng dứt. Khi thức giấc, Sư nghĩ rằng:”Thú Vương tự tại là biểu thị dòng Pháp chẳng mãi không vững động. Châu báu tự phun nhả dụ cho Tài thí không cùng. Minh vận ngầm mở, công thành ở tại đây. Sư liền bảo công thợ đắp họa điểm thấy trong mộng ở trước Đại tượng Đức Di-lặc, đến nay vẫn hiện còn.

Chùa ấy nằm ở phía Nam Bồ Phấn, cao sáng xinh đẹp, phía đông gần đến Châu Lý, phía Nam trông tới Hà Sơn. Tôn tượng được thiết trí ba tầng, hành lang khắp bốn phía, trên phướng dưới viện. Vườn bên chặt ruộng rau mướt vây quanh rủ lại, nhỏ mà thành lớn, đó đều là do công lao của Sư, chứa nhóm công đức, từ không dựng tạo có, đều là do năng lực của Sư, nhưng Sư vẫn thường mặc áo thô xấu, ăn dùng rau lá, xem thường vật chất, quý trọng tánh mạng. Khi chùa Phổ Cứu đã đầy đủ, Sư bèn tìm chỗ tĩnh lặng để về nhàn, làm nên mà chẳng ý cậy, liền ở nơi u ẩn, ngày ngày giữ chí, chóng dứt việc người đời. Sư không hề bảo ban mà chúng tự nghiêm tịnh, chẳng bước ra mà chúng sinh tự tìm đến. Bộc Xạ Bùi Văn Chân Sùng Cư Thượng Tể kính trọng đức lệnh của Sư, từng dâng tặng hương hoa y phục. Thứ sử Đỗ Sở Dung biết Sư được người kính trọng nên đến xin cầu pháp. Sư có được những sự cảm động, đại loại đều như thế.

Đến cuối đời Tùy, bít lấp Hà Đông, Thông Thủ Nghiêu Quân Tố trấn thủ tại Hoang Thành, một mình cầm đầu, nên tha hồ hung bạo, người đương thời chẳng ai dám trộm nhìn. Muốn bàn nghị các Sa-môn

lên thành giữ gìn cho bền chắc, người nào dám can ngăn sẽ bị chém đầu. Các hàng tăng tục đều lo sợ, không ai dám trái nghịch. Sư tức giận từ bên trong phát ra, chẳng cần đoái hoài đến thân mạng, bảo với pháp thuộc rằng: “Thời thì có thịnh suy, nhưng pháp không có thịnh suy, khi trời chưa tan mất thì vẫn ấy vẫn còn tại đây. Vả lại, Sa-môn là khách ngoài trần, dấu vết vượt cao hơn đời, làm sao được cầm nắm giáo mác, ôm lấy áo giáp làm tên lính chế ngự ư? “Bèn dẫn các Sa-môn Đạo Tôn, Thần Tố bước lên thêm, giữ nghiêm sắc mặt mà can ngăn rằng: “Bần đạo nghe rằng: “Đối với người không sợ chết thì chẳng thể lấy sự chết mà làm họ sợ hãi.” Nay xem cái chết như sống, chỉ sợ không được cái chết ấy. Vì chết mà có ích là điều rất đáng can tâm. Tính sự mất còn của thành là mưu lược của ông. Ở đời có Vinh thái chẳng là vận của ông, đâu phải năm, ba hư tánh mà cứu giúp được ư? Xưa kia, nhà Hán kính trọng Tứ Hạo mà thiên hạ được thanh bình lớn mạnh, nhà Ngụy mến quý Can Mộc mà cả nước nhà được đại trị. Nay muốn ràng buộc để theo Quân dịch thì trái với trời thường lấy hội Linh Kỳ. Sợ sẽ chuốc lấy điềm chẳng lành, dám bày nổi lòng, nguyện tỏ mưu sâu, không nên dối rỗng bày, một mai tự nghiêng đổ, sau đó sẽ bị Thiên hạ chê cười. Nếu ông đòi lấy đầu, tôi sẽ hiến dâng Đầu, nhưng vì bốn nguyện nên phải lấy sự sống thừa bức sung vào bộ giáp thì không biết sống làm sao, chết làm sao!” Sư trình bày lời ấy, những người đứng bên cạnh thấy đều sợ hãi. Lúc đầu, Nghiêu Quân Tố nghe lời can ngăn đó rất kính trọng từ khí của Sư, chỉ trở mắt nhìn thẳng mà bảo rằng: “Kỳ lạ thay người này! Cớ sao tâm khí hùng mạnh như thế ư?” Nhân đó mà xả bỏ chẳng hỏi han. Quả nhiên đến chỗ Sư mà tỏ bày sám hối, Nghiêu Quân Tố lấy sự giết hại, vô độ mà sánh với tâm độc hại, lại thêm nêu ý khinh thường lăng nhục, tuy đương thời có được sự an nghỉ mà họa tạo nên điềm ấy. Cuối cùng bị người trong Thành là Tiết Tông làm hại.

Từ khi, Sư lập tánh cứng rắn, chí quyết không đổi thay, gặp phải mọi sự tức giận động làm cá thịt. Sau khi xuất gia, Sư tự chê trách bốn duyên, bề gãy vô tình, càng tăng thêm hòa nhẫn. Đến năm ngài sáu mươi tuổi, hạnh ấy càng lớn, tu tập thành tánh, lời nói ấy thật chẳng sai lầm. Đến ngày mười bảy tháng chín niên hiệu Trinh Quán thứ mười (636) thời Tiền Đường, Sư thị tịch tại chùa Phổ Cứu, thọ sáu mươi chín tuổi.

Lúc đầu, Sư bảo: “Bệnh không phải là sự khổ.” Tự biết cuộc đời của mình, nên bảo với môn nhân rằng: “Nay tôi đã bảy mươi lăm tuổi, tôi sẽ qua đời nội trong năm này!”. Đồ chúng cùng thưa hỏi Sư rằng:

“Thầy mới sáu mươi chín tuổi sao vội từ già thế?” Sư bảo: “Sinh tử là pháp như thị. Tôi không hề lo sợ. Vả lại, lão tăng (tôi) tuổi chỉ gần bảy mươi, mà Thứ sử trông diện mạo tôi tăng thêm sáu tuổi. Nên mạng sống đó chỉ trong sớm tối. Cố gắng khắc sâu, nên xem vào sổ hành của tôi!”. Sư lại bảo: “Trong kinh chẳng nói ư? Thế gian rất mong manh không được bền chắc”. Khi Sư thị tịch, suốt ba ngày, chuông chùa giống không phát ra tiếng, sau đó trở lại như cũ. Mọi người đều buồn than.

8- Truyện ngài Thích Đức Mỹ trụ chùa Hội Xương ở kinh đô:

Thích Đức Mỹ, họ Vương, người ở xứ Lâm Thanh thuộc Thanh Hà. Từ lúc nhỏ bẩm tánh Sư đã vốn thích điều lành, mở miệng giảng nói thường bày tán tụng, nhóm đất cát vui đùa thì trước là làm ảnh Thập, mỗi lúc thấy hình tượng, nhận biết liền kính lễ. Do vậy mà quyến thuộc thềm lấy làm lạ, biết Sư không thể tiếp tục nối dõi, nên mặc tình để Sư theo thầy học tập. Năm mười sáu tuổi, Sư già từ cha mẹ đến những nơi rừng núi đồng hoang, phỏng tìm Danh hiền, để làm thầy mình.

Đến năm mười chín tuổi, Sư mới được cạo tóc xuất gia, Sư cẩn trọng khiêm nhường cung kính, chuyên suy nghĩ hạnh nghiệp. Tuy các kinh luận, Sư đều học nhưng chỉ lấy luật làm cốt yếu trong tâm. Nên đối với luật Tứ Phần, Sư thông hiểu Tông hệ, tìm cầu bạnh lành chẳng kể gần xa, Sư nghiêm khiết tự cố gắng, chẳng đồng với phi loại. Vào những năm cuối niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, Sư xét Phong hóa ở chốn kinh đô, Thọ Trì giới luật, lấy việc lễ sám làm hạnh nghiệp chánh. Nhân đến núi Thái Bạch, Sư trì tụng Kinh Phật Danh mười hai quyển. Mỗi lúc hành sám, Sư vừa tụng vừa lay, mọi người cho đó là Tổng Trì Niệm lực, công cách Niết-bàn. Tại núi Thái Bạch Cửu lũng trước kia vốn có Thiên sư Tăng Ung, là vị danh tăng đạo hạnh, nhân đó, Sư lại đến kính thờ, tôn làm thầy, Sư theo thọ nghĩa nghiệp, chóng nhiễm ấm lạnh. Sau đó, Sư về lại kinh đô, trụ chùa Tuệ Vân.

Gặp được Thiên sư Tĩnh Mặc, Sư lại nương tựa cầu học. Ngài Tĩnh Mặc là đệ tử thân túc của Thiên sư Thiện Đạo, khéo vâng thừa Tín hạnh, rộng làm công đức chủ, khổ tiết kiệm ước thân tâm, không mặc y phục bằng lông da gấm lụa. Ngài Tĩnh Mặc theo học với ngài Thiện Đạo, thấy nghe học đó, vang vọng khắp kinh đô, riêng kết quy tục chúng. Sư nương theo ngài Tĩnh Mặc có hơn mười năm, ba nghiệp thuần theo, rất được mến đãi. Do đó, mỗi năm Đạo Tràng lễ sám sắp tan, cách kỳ hạn bảy ngày, gắng thêm mạnh mẽ. Với Kinh mười lăm ngàn danh hiệu Phật, mỗi ngày Sư trì tụng một biến, tinh thành đạt đến có nhiều

điềm lành, từ đó đến lúc qua đời, Sư trì tụng có hơn ngàn biến. Nên ngài Tĩnh Mặc rộng giúp cửa Phước Khai ngộ các hàng sĩ tục, rộng mời đại chúng, lớn bày đàn việt, lợi dưỡng kết quy ở chốn kinh đô thì đó là nơi tốt đẹp hơn cả. Tuy chứa nhóm mà lại hay tan, nên người đương thời lại quý trọng. Ngài Tĩnh Mặc từng đến trụ chùa Hưng Thiện nhóm họp ngàn vị tăng hành Đạo. đến lúc mãn kỳ, cúng dường riêng mỗi vị mười xấp lụa mỏng, gần đến giờ tan, bên ngoài đến đông gấp bội, vị tăng chấp sự sợ thiếu nên y cứ theo tên mà giao vật. Ngài Tĩnh Mặc nghe thế, bảo rằng: “Sao có lý ấy, chẳng thành nghĩa tặng, nếu như ước cật thì Phạm Thánh khó biết, chỉ nên cúng dường chớ lo thiếu hết.” Trước đó, trong kho không chứa để một thứ gì, mọi vật đều đưa ra lúc tan hội. nhưng khi thiết Đại hội, bảy chúng đều nhóm họp, vật thí chất như núi, mới cũ đều sung vào. Khi đó mọi người đều kính trọng, cho rằng: “Ngài Tĩnh Mặc chí lớn mà đặt để xa nên khiến Linh kỳ thâm giúp đỡ. Nếu không như vậy thì ai nhìn thấy mà không sợ ư?” Nên từ những năm cuối niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy đến niên hiệu Đại Nghiệp thứ mười (616) đời Tùy, mỗi năm có cúng thí lớn. Thể lệ đều như thế. Đến lúc sắp thị tịch ngài Tĩnh Mặc giao phó cho Sư nghiệp dựng ruộng phước rộng khắp ấy, Sư kính trọng thực hành. Nên đối với hai thứ ruộng phước Bi và Kính, mỗi năm thường cúng thí. Hoặc cấp cho y phục, hoặc cứu giúp bằng lương thực. Và những nơi tạo Phước phần nhiều hay thiếu thốn, Sư đều đến cầu tạo thông và đều cấp giúp cho. Lại đến cuối mùa Hạ, các chùa thọ Bồn (cúng dường Vu-lan) hễ nơi nào có Bồn, Sư đều đưa vật đến. Nên người đời gọi đó là “Phổ Bồn tiền”. Tại chùa Thiên Định thực hành việc ấy thường luôn chẳng dứt.

Vào những năm cuối niên hiệu Đại Nghiệp, vào mùa hạ Sư mời ngàn vị tăng suốt bảy ngày hành Đạo, bỗng cảm một người lạ hình phục sáng rỡ đi đến, báo với Sư rằng: “Trời đã trở nóng, sao không lấy bánh để cúng dường?” Sư nói: “Bột dễ làm, người nhiều bánh hư, làm sao có được?” Vị ấy bảo: “Dễ thì hãy làm, vả lại ngà ba mươi hộc bột, làm trong hai ngày, bánh không hư đâu!”. Sư bèn y theo lời mà cấp. Vị ấy lại chỉ nói: “Làm nhiều bình nước, các thùng phần nhiều chứa nước lạnh. Sáng mai thiết bày.” Nửa đêm thức dậy, lấy bột đánh nhồi trên bàn, cổ động người vật, các hàng tăng tục nhóm họp để xem, kinh loạn cả tai mắt, chỉ phút chốc đánh cật bột xong, gần đến một nửa, bảo người đem nấu, tùy bánh chín trong nước, thì tự đến vớt lấy. Đến lúc sáng sớm dâng cúng bánh, đều ăn rất mềm, chọn lựa khó đoán, cả ngàn người đều no và cùng vui mừng thư thái, thử tìm người thợ, hỏi khắp không

biết đã đi đâu. Và bánh còn lại trong các thùng nước, ngày sau đem ra dâng cúng chư tăng, mới hết kỳ hạn mà không một cái thối hư. Cả đại chúng đều vừa buồn vừa vui cảm thông sự ứng hiện ấy.

Đến đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường. Chùa Hội Xương mới bắt đầu xây dựng, lại thỉnh Sư đến ở đó. Sư bèn đến Tây Viện xây dựng sám hối Đường, tôn tượng thiết bày trang nghiêm rực rỡ, đường vũ rộng thoáng. Hành lang khắp bốn phía, phức điện lại nhiều lớp cao thoáng, Sư thệ nguyện cùng các chúng sinh dứt bỏ nghiệp ác, giữ gìn lân đài lễ sám khiết tịnh phương đẳng. Hễ vị nào muốn tấn Đàn thọ giới cụ túc, thì trước tiên phải đến nương tựa tẩy rửa thân tâm mới lên đàn vị. Lại có lúc bỗng nhiên giếng nước tắm gội tự khô cạn. Tăng chúng đang ở tại chùa không làm sao có nước để tắm gội mà lễ sám. Sư bèn bưng lò hương đến giếng, tha thiết gia tâm cầu cáo, liền đó giếng suối tuôn chảy, trở lại giống như ngày thường. Bấy giờ, mọi người cùng tôn kính.

Sư chứa để Xá-lợi cát trong hộp báu, hễ đến nơi nào thì đều mang theo để cúng dường. Thường nơi nào tạo tháp đều thỉnh cầu để rải tán, trăm viên ngàn viên, hễ cần bao nhiêu thì Sư cung cấp. Bởi sự Tinh cần khổ thiết cảm nên, hễ tan liền đầy. Do đó, đức tin càng thêm lớn mạnh. Sư cầu khẩn không dứt. Lại nữa, mỗi năm sang mùa Thu hạ, Sư thường đi chân không, sợ giẫm đạp các loài trùng kiến. Từ tế luôn nằm trong ý Sư. Hoặc đi bằng thuyền bè, suốt một mùa hạ Sư không ngồi, hoặc học dứt lỗi, suốt ba năm không nói, hoặc bắt chước theo hạnh Bồ-tát thường Bất khinh, lễ bái khắp cùng bảy chúng, hoặc đồng tiết chế ăn uống một trong bốn phần. Những tạp hạnh như thế hình tướng rất nhiều, tức tự lược buông, rất khó nên đủ. Lúc còn sống Sư luôn nghĩ tưởng chuyên hướng về phương Tây, miệng xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà cho đến lúc qua đời.

Đến ngày hai mươi sáu tháng mười hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Sư chấp tay xưng niệm Danh hiệu Phật mà thị tịch tại phòng viện trong chùa, thọ sáu mươi ba tuổi, bèn rước đến Nam Sơn, chim cú Tai mèo kêu réo ở gò đồi. Sau đó, thân nhặt di cốt và xây Tháp tại hang Ngạnh Tử để An táng. Các đệ tử Sư dựng lập Văn Bia nơi chùa Hội Xương, do thị trung Vu Chí Ninh soạn văn.

Lại nữa, tại Kinh Ấp có Sa-môn Đàm hiến cũng lấy hạnh nghiệp Hoàng Phước theo cách thức của các bậc Tiên hiền, tự thân tạo thành khuôn phép, mọi người đều suy tôn kính lạ. Chỗ Sư tạo phước nghiệp tùy nơi chốn đều thành, nên điện Phật chùa Từ Bi là chỗ Kinh dị của

đương thời. Do người đời kính đáo, nên chẳng nói rộng.

9- Truyện ngài Thích Tuệ Trụ trụ chùa Thanh Thiên ở kinh đô:

Thích Tuệ Trụ, họ Vương, người ở xứ Bồ Phấn thuộc Bồ Châu. Thuở nhỏ ở trong cửa Đạo, Sư ưa chuộng phước nghiệp. Sau khi thọ giới Cụ túc thì Sư học Luật Tăng Kỳ. Đến năm ba mươi tuổi, Sư lại chuyên về Thiên tụng, sớm tối nối nhau, xem trọng Kinh Pháp Hoa. Sau, Sư đến trụ chùa Thanh Thiên ở Kinh Ấp. Bắt đầu xây dựng cơ cấu đều giao phó Sư, hơn bốn mươi năm Sư không hề nói lời mỗi mệ, nên khiến tháp chín tầng nổi giữa hư không, mái hiên nhiều lớp, Điện đường Viện Vũ, mọi việc đều viên thành. Sở dĩ cây trúc rậm tốt, vường tước vây quanh, nước đất trang điền, kho lẫm bền chặt, trong kho cất chứa mọi vật thường đầy, không gì chẳng nhờ Sư ở kinh đô, không đâu hơn chùa ấy, coi sóc trước sau công phu thật chỉ do một người.

Đến năm sáu mươi tuổi, Sư bèn từ chức mọi việc của chư tăng. Đại chúng cho rằng Sư cần khổ đã lâu, hãy nên tạm nghỉ. Gặp lúc có cơ duyên đoán quyết đều đến hỏi han Sư. Trong chùa có đủ Tịnh nhân, không đáng phải làm việc. Sư bèn chọn lấy hai mươi người cho học về cổ vũ. Thường đến ngày lễ hội, bày nhạc trước tượng, khắp bốn phương xa hỏi xem lấy làm vui mừng. Nên nam nữ đều nối gót truyền nhau, âm thanh kỹ thuật tối cao so với thế tục. Gặp lúc khổ hoạn cùng khốn, Sư tự biết sẽ thị tịch, bèn dùng nước nóng thơm tắm gội, sửa sang y phục, bảo rằng: “Tôi có chút tội nhỏ, phải chịu bệnh nặng. Do việc tạo dựng đào bới đục tạc nên như vậy.” Đến lúc Sư sắp tịch, hơi khí lời tiếng Sư không mờ tối, bảo với đệ tử rằng: “Trả nợ đã xong, giờ tôi đi đây!”. Nói xong Sư thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi. Lúc đó nhằm niên hiệu trình Quán thứ nhất (627) thời Tiền Đường. Lúc đầu để lộ bày di hài, sau mới khâu nhật để an táng, xây ngôi tháp vuông, dựng lập bia minh.

Bấy giờ, ở chùa Hội Xương tại Kinh Ấp, có Sa-môn Pháp Tố là người lỗi lạc khác thường, tiết tháo kỳ đặc cao vội, thường làm mọi thứ kỳ lạ. Bốn sư của Sư là Sa-môn Trí Khải, chuyên thực hành khuyên tu tạo. Xưa ở tại Giang Biểu, hễ Sư đến đâu thì đều thiết bày đại hội đồng đến muôn người, đầu đêm mới báo, đến sáng ngày bèn đã làm xong. Đại loại như thế, chẳng phải chỉ một lần. Đến cuối đời Tùy, ở Kinh Đô Thành tự giữ vững chắc, xương người đói chất cao như khối. Tại chùa ấy có hai pho tượng bằng vàng, mỗi tượng cao một trượng. Sư không nhìn thấy sự khốn cùng nguy ách ấy, bèn lấy một pho tượng nung lửa phá tan để mua gạo nấu cháo cung cấp cho người đói. Chẳng bao lâu,

gạo hết, Sư lại muốn lấy phá như trước. Khi ấy, Sa-môn Biện Tướng cùng với Chư tăng v.v... chống cự gìn giữ không cho. Sư bảo: “Các Đại đức chưa biết chí lý. Xưa kia, Đức Như Lai lúc đang tu nhân địa, vì các chúng sinh mà còn chẳng mếm tiếc đầu mắt tủy não, hoặc sinh làm núi thịt, hoặc chết làm cá lớn để cứu giúp mọi loài đói khổ. Cố sao khi đã thành chánh quả lại tham tiếc thân biến hóa. Các Đại đức nên biết, nay một pho tượng này nếu chẳng tuệ cấp cho chúng sinh, thì sau khi thành cũng sẽ bị hủy hoại theo, như vậy vùi lấp lăm người, đầu bằng Pháp Tố tôi nay chỉ có một thân!” Chúng không chấp thuận, đến ngày Ngụy Trịnh đánh ập thì pho tượng ấy bị phân tán trước, đúng như lời Sư nói. Nhưng ngôn hạnh ấy quý quyết, hiểm nguy mà khó mà vâng theo, những trường hợp ấy chẳng phải chỉ một lần. Sau, Sư đến Kinh Ấp và thị tịch tại chùa Hội Xương.

10- Truyện ngài Thích Trí Thông trụ ở núi Ngưu Đầu thuộc Tử Châu:

Thích Trí Thông, họ Trần, người ở Tử Châu. Năm tám tuổi, Sư xuất gia làm đệ tử Pháp sư Chánh Đạo. Sau, Sư tụng kinh Pháp Hoa và giảng tại núi Ngưu Đầu. Sư khéo nghiêm trì oai nghi, kính giữ giới pháp, trình thuần cần khổ. Sư hàng phục Hoàng lão, các hàng sĩ nữ tấu chương thầy đều nương tựa có đến năm mươi người, xa gần đều lo sợ. Chùa viện được thành tựu chỉ mình Sư suốt trước sau, cả đại chúng đều khiếp sợ, không ai dám chứa đũa của cải riêng. Có hai con chim oanh vũ cứ đúng thời đến nghe giảng Pháp. Sư giảng có hơn trăm biến, trong đó có hai lần phát ra ánh sáng.

Đến ngày mười ba tháng mười niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi ba (649) thời Tiên Đường. Sư bảo tăng chúng rằng: “Tôi tạo lập chùa núi, cần dùng có thể đến mười vạn quan tiền, chỉ tiếc chưa được hoàn bị, nay phải vĩnh biệt rồi!”. Nói xong, Sư bèn thị tịch, thọ chín mươi bảy tuổi. Sư tịch ngay lúc chúng tăng đang tiểu thực, khắp các chùa, các phòng nhà đều rung chuyển và biến thành màu trắng khoảng chừng một bữa ăn.

11- Truyện ngài Thích Tuệ Chấn trụ chùa Thông Tuyên ở Tử Châu:

Thích Tuệ Chấn, họ Bàng, trụ chùa Thông Tuyên ở Tử Châu. Thân Sư cao tám thước. Sau, Sư đến nghe Pháp sư Hạo giảng Tam Luận, và lãnh ngộ được huyền chỉ. Phước lực Sư trùm khắp đủ, Thực

Châu từ xa suy trọng. Khi Pháp sư Hạo về lại phương Nam, có được hai trăm bộ pháp phục ca-sa, Sư đem dâng tặng ở đầu đường. Mỗi năm vào tháng giêng Sư tổ chức tụng đọc Tạng Kinh, cả ngàn vị mặc pháp phục ca-sa, Sư dâng chúng không thiếu sót. Sư thường giảng dạy Tam Luận, thính chúng có hơn trăm người. Bỗng có một hôm đang ngồi trên tòa cao mà tâm trí dường như ngủ gật, thấy có một người bảo với Sư rằng: “Ở đầu núi phía Tây khéo nên tu tạo tôn tượng Phật lớn.” Khi đã tỉnh giấc, Sư xuống tòa, dẫn chúng đi xem, quả đúng đáng tạo tôn tượng hai bên có dòng suối chảy. Sư liền bảo thợ làm đá đục tạc làm tòa và thân tượng cao một trăm ba mươi thước. Đến niên hiệu Trinh Quán thứ tám (634) thời Tiền Đường thì công việc thành tựu mỹ mãn. Khắp bốn phương đều nhóm họp, các hàng đạo tục có ba mươi ngàn người đều vui mừng với tôn nghi ấy. Từ trong miệng pho tượng ấy phát ra ánh sáng màu trắng rực rỡ xa gần mọi người đều đồng kính ngưỡng.

Trước đó có một con ngựa, mỗi ngày đi năm trăm dặm, từng trải trong các quân trận, các con ngựa khác đều chết, chỉ một mình con ngựa ấy sống còn trở về. Đến tháng bảy niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn (640) thời Tiền Đường, bỗng nhiên nó tự kêu ré, bỏ ăn ba ngày. Sư nghe thế khắp mình nổi ốc. Có một vị tăng lạ tên là Thập Lực nói với Sư rằng: “Ngựa già biệt chủ, Chủ sẽ đi trước, ngày mười lăm tháng giêng năm tới vào lúc giữa trưa sẽ nhập niết-bàn, Pháp sư nên ban trải tất cả tài vật không nên để lại về sau, đối với tự thân đâu có ích gì?” Nói xong, vị tăng lạ ấy biến mất. Sư chẳng biết nguyên do thế nào, nên việc trước tiên là Sư tạo Tạng kinh, thỉnh chư tăng thường xuyên tụng đọc tụng, mở cửa đại thí. Những người thuộc hai thứ ruộng phước Bi và Kính ở bốn phương xa đến Sư đều dâng cấp. Đến cuối năm qua đầu năm, Sư lại thỉnh chúng tụng tụng kinh, hành đạo suốt hai mươi mốt ngày, các tục duyên còn quý trong ngoài đều nhóm họp. Đến ngày mồng tám tháng một (năm 641) có mùi hương thơm xông ngát khắp chùa. Các hàng Đạo tục khắp trong xóm ấp đều nghe được mùi hương thơm lạ nêu xả tán nhóm họp về núi. Đến ngày mười lăm hơi thơm vẫn còn chưa hết. Từ sáng sớm đến giờ Ngọ cây cối, đất đai trong vườn nhà đều mọc hoa sen. Đại chúng thấy điềm lạ, biết Sư sẽ thị tịch. Sư bảo: “Tướng tốt đã hiện, không chờ đợi đây.” Bèn ban thí, dùng bữa sáng xong, tay Sư bưng lò hương đi nhiễu quanh tôn tượng Lô-xá-na ba vòng, rồi về lại trước tôn tượng Phật, quỳ thẳng thân mình, giữ chánh niệm. Bất chợt Sư thị tịch, thọ sáu mươi sáu tuổi.

Lưu lại lễ tang đợi mãi mà mùi thơm vẫn còn, huynh đệ còn có ba

người, mỗi người xả thí năm mươi vạn quan tiền đến chỗ Sư thực hành Tăng Đức thí và Bi điền, làm tháp đá cao năm trượng, nơi khám có đặt giường dây, nâng đưa nhục thân Sư vào tôn trí trên đó, qua hơn trăm ngày vẫn không ngã đổ. Các hàng đạo tục có hơn vạn người đều buồn khóc liên tục không thôi.

12- Truyện ngài Thích Tuệ Vân trụ chùa Hoàng Phước ở kinh đô:

Thích Tuệ Vân, họ Vương, người ở xứ Thái Nguyên. Tổ tiên xa xưa của Sư lánh đến ở Cửu Giang. Từ thuở nhỏ Sư đã ưa thích sống đạo, nên tìm đến chỗ Sa-môn Trí Giai chùa Đại Lâm ở Khuôn Sơn mà xuất gia. Ngài Trí Giai cũng là bậc tiêu lãnh ở đương thời, rất có tiếng tăm xuất thế. Nhưng Sư hăng hái với thời tục, siêng năng cố gắng nương theo, nên khác thường luân, chẳng bó buộc bởi vật lụy, từ đó đại tiết đại vụ riêng lưu tâm.

Bấy giờ, Sư vừa hai mươi lăm tuổi, có Thiên sư Đạt là người mà khắp các nơi trong ngoài Giang Hoài hễ có làm việc gì mà không được toại ý thì đều đến cầu thỉnh. Sư vì chùa miếu bị hủy hoại nên đến thỉnh mời, mà Thiên sư Đạt không hứa thuận. Sư đem nguyên do đến báo mà chẳng được giúp đỡ, bèn xin được chết. Thân ngã xuống đất, nước mắt nước mũi ràn rụa chảy đầy khắp cả năm thước. Lại gõ đầu xuống đất, sưng bầm xanh tím che phủ mắt, lại thệ nguyện rằng: “Nếu không thỉnh Sư đến được thì Tuệ Vân tôi cũng gieo mình xuống sông.” Thiên sư Đạt thấy chí ý Sư lớn mạnh bỗng nhiên thay đổi ý. Sư liền báo trước với các hàng đạo tục tại đó đến đón hầu, làm sạch cỏ cây nhìn thẳng đến núi. Đường đi không có lối tắt, giữa đường gặp phải đàn hổ, cũng không rảnh để đưa mắt nhìn, thỉnh Thiên sư Đạt đến núi, phải có Kinh thi, nên ngược dòng đến các chỗ xem xét công đức. Bấy giờ, gặp lúc tiết động giá lạnh, băng tảng ngăn cản đường thuyền, đổ cát đổ ùn làm trở ngại người và thuyền. Sư bèn gấp buộc xiêm y, phá băng tuyết, kéo neo thuyền, từ eo khố trở xuống, văng băng xé rách thịt máu chảy ra ngưng đọng mà Sư chẳng hề biết khổ nhọc. Từ đó thuyền đi được hơn hai trăm dặm mới lên đến chỗ. Sư có sự khẩn thiết chí thành khó có ai bằng được, đại loại đều như thế.

Đến đời Tùy, khắp trong ngoài, giặc nổi loạn. Có Lâm Sĩ Hoàng nhóm chúng tại Dự Chương, xưng còn là vua nước Sở. Ngụy Thượng thư lệnh Bà Dương Hồ Tú Tài đích thân dẫn sĩ chúng đến đóng tại Cửu Giang, nhân cảm Phát tâm, mừng tả thụ tượng Bồ-tát Văn Thù ở chùa Đông Lâm núi Lô Sơn, khắp chỗ trong vùng đang trấn thủ tìm người

trông coi, các hàng đạo tục đều bàn cho là Sư người có sự đặc biệt xuất chúng, cao nhã đáng chọn vào ở đó. Lô bệ đã làm, chỉ còn nung đúc theo khuôn thì Quang nghi hoàn bị, nhưng ở hai chỗ nơi cổ và sườn hông tôn tượng có lỗ hỏng. Mọi người lúc đó chưa tỏ ngộ điều gì. Năm đó, Hồ Tú Tài vâng sắc tìm chỗ có tôn tượng sắc vàng một trăm hai mươi lượng đựng đầy trong ống trúc. Sư vì bọn giặc đẩy khởi như ong, không cách gì gìn giữ nên đều giao phó hết cho Hồ Tú tài. Và Sư lại đem một vòng chuỗi hạt bằng đồng và ngọc mà Sư thường niệm tụng giao phó cho Tú tài làm tin. Đi đến cung đình, các quân sĩ xin phước. Tú Tài tiện gió bèn căng buồm dẫn trước, đến giữa dòng gặp phải sóng gió, thuyền bị chìm, mọi thứ của cải đều trôi dạt hết, chỉ có người lên được bờ. Tú Tài không tiếc gì, chỉ tiếc mất tôn tượng sắc vàng nên phiền oán trên bờ sông, khóc than không dứt, thệ nguyện không thành thật là do nghiệp. Trong chốc lát ống trúc vàng theo sóng ngược dòng và vòng chuỗi đồng ngọc trước sau nổi nhau trầm ẩn hướng theo bờ đến chỗ Tú Tài. Đã được lại tôn tượng sắc vàng, khắp mọi người đều reo hò mừng vui vô hạn. Tính từ chỗ bị đắm thuyền đến nơi ra khỏi bờ xa hơn ba mươi dặm, lại trôi ngược sóng cùng đến trao, Quân dân đều lấy làm kinh lạ linh cảm. Đến lúc Hồ Tú Tài gặp phải kẻ hại dùng mũi nhọn đâm thủng ở cổ và sườn hông, thì rất hợp với tôn tượng.

Ban đầu, Hồ Tú Tài muốn đánh giặc, đem vàng gửi người chú là Thiên sư Hiếu. Đến lúc Sở đô đã lấp phủ, quân giặc giao xâm, Thiên sư Hiếu dùng vải bố thô xấu gói vàng mang vác theo cùng lánh nạn, chẳng khỏi bị giặc cướp lấy. Đã mất tượng vàng lại không có cách nào cầu lấy lại được, sau đó có người từ trong bọn giặc lại trộm lấy vàng đem đến cho Thiên sư Hiếu, nhưng không biết đó là vàng của Thiên sư Hiếu mang vác bị mất. Thiên sư Hiếu có lại được vàng bèn đem giao cho Sư làm thành tựu, tướng sáng vượt trội, nay hiện còn tại Sơn Các.

Lúc đầu, lúc đúc tượng, có Lý Ngũ giới phát nguyện rằng: “Nếu đến ngày đúc tượng vàng thì nguyện sẽ đốt một cánh tay”. Vì Sư làm khuôn hoàn thành sớm bèn đúc trước ngày đã hạn định. Lý Ngũ Giới không biết đã đúc bèn mộng thấy tôn tượng bảo rằng: “Trước đây ông nguyện đốt cánh tay, vì sao lại trái với đức tin ư?” Sau khi tỉnh mộng, Lý Ngũ giới nhân đó mới biết là tôn tượng đã đúc xong, liền đối trước tôn tượng dùng dao chặt cánh tay, lấy vải bố bôi sáp buộc vào mà thiêu đốt. Lại cảm có nhiều điềm ứng, ở đây lược bớt việc ấy.

Sư vì sông nước quanh co, nhiều lần gặp bọn trộm cướp, kinh luận tuy chứa nhóm mà giới luật chưa sâu rộng, bèn từ xa đến chốn kinh đô,

đích thân tham dự học phủ, gặp được Luật sư Thủ đang mở mang giáo hóa, rất hợp với bổn chí, Sư vừa buồn vừa vui, bèn tìm tòi góp nhặt thực việc, rất có tiếng tăm nơi Triều tể. Vua bèn ban sắc bảo Sư trụ chùa Hoàng Phước, mà dung mạo Sư cao lớn, mặt nhiều râu ria, nói năng thành chương cú, mọi người đều nhận biết. Sư lại riêng có tài năng đọc tụng, chứng chạc oai dung, nên những nơi thiết bày trai hội tu phước thỉnh chư tăng đông nhiều, Sư thường ngồi hàng đầu. Các hàng công khanh sĩ thứ ngồi bên cạnh tâm rộng không, một lần giở năm quyển chỉ chốc lát đã xong, không hề nghe Sư vấp vấp, mọi người không ai chẳng ưa chuộng, nhưng Sư là pháp khí, ngay nơi mắt cho nên lược không trình bày.

Thử luận bàn:

Phàm, tướng Trú Trì, có nhiều trường hợp, nhưng bao gồm mà nêu nên tinh yếu thì chỉ có hai thứ, Đạo Pháp truyền bá rộng ở đời thì lắng tĩnh đảo điên, dứt bật nguồn sinh. Tướng Pháp được giữ gìn thì dẫn dắt kẻ tối tăm, khai mở tai mắt cho họ vậy. Đường chung đã mở, muôn đời kính vâng phong hóa khuôn phép ấy, tuy hoặc khoảng giữa có nhỏ nhiệm nhưng chung cùng cũng y cứ đó mà thành phép tắc.

Xưa kia, Đức Như Lai mở đầu hoàng hóa, chùa viện khai mở từ nguồn của Tu-đạt (Cấp Cô Độc). Tháp hiện xứ nay, ban đầu chỉ chứa đất đắp dần dần, duyên theo đó về sau việc Phước càng lớn. Mốc của Vô Ưu là rừng rậm, vườn của Hữu Tín là sao bày. Từ khi ngài Ca-diếp Ma-đăng vào đất Lạc Dương, mở mang tướng đó trước, dùng vườn nhà làm chùa, Tăng ni hiển bày cửa phước xuất tục, đồ họa để khai mở nương tin. Biết thần công của Hóa chủ, nên có xếp bày chùa có cả ngàn ngôi, tu sửa tháp có mấy trăm. Trước tu nêu lên hoa vọng, sau tiến tới lại cao kỳ. Nên có được chùa vàng xúc chạm tới mây, bốn phương xa nhìn mà nghĩ nhớ kính ngưỡng. Đài báu giá xoay, bảy chúng mong ngóng để biết chỗ trở về. Điều là bến bờ đầu tiên để mở Đạo, quyền thuật để nhiếp độ. Còn như dẫn gió sửa các, hiện bày sự chí thành sâu sắc của ngài Tuệ Đạt. Truyền tiếng để dừng độ, thật là thông cảm của ngài Trí Hưng. Ngài Tăng Minh chí khí mở bày di tượng gởi gắm. Ngài Tăng Hoảng tiết tháo cảm động cả U Minh. Đạt Công nhờ sông Phù mà nhóm họp được gỗ quý. Ngài Đức Mỹ nhờ Minh Thánh mà thiết lễ cúng dường, ngài Tuệ Vân trình thuần oanh liệt, vàng ròng nhờ đó mà chẳng chìm mất. Xem xét như thế đều không có nguyên do đưa đến. Thế thì trông coi mọi việc, luận nêu bày lùi mất, đều do chí tiết vốn thiếu, tình chẳng khéo léo, đưa đến trải qua khó khăn trái nghịch, bèn thiếu thê

nguyện, công bại duỗi thành, nghĩa đáng ở đó.

Xưa kia, Đức Như Lai còn ở đời, tự thân sửa sang cửa viện, nhóm tập công việc chúng tăng, chẳng phải Thánh mà không giảm qua. Ngài Ca-diếp xây dựng năm ngôi chùa thường đập bùn đất, ngài Mục-liên đảm nhận trị nguyệt, thường phải quét đất, do nhờ phước sự ấy lại mà dẫn dắt càng xa. Hàng hạ phạm noi theo nên là thường khoa, mà khoanh đời thuận lười, thường lấm luống dối, thấy tô đắp tháp cho là kẻ tầm thường, thấy kéo gỗ bảo là dựng hàng, người xuất Đạo không thích nghi, thực hành bố thí vào trong thế tục dứt mất tâm thanh tịnh. Lời ấy chẳng thường, rất trái với khuôn phép chánh. Nên quả báo ở cõi trời là quý, còn hành khát trong nhân gian. Quả Thánh là cao mà còn bị đốikhát trong Tăng Bộ. Hạng như thế thật có rất nhiều, chỉ lược nêu thì có thể biết! Cho nên Phước Trí hai thứ trang nghiêm, không Hữu hai đế, Đại Kinh Đại luận nêu bày cương du, thì có thể thừa tiếp, khó bác bỏ. Và lại, tự ở đời có các thứ phước, lưu chửa nhiều dòng, nương tựa kinh liễu nghĩa, trình bày nghi ngụy.

Vào đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) đời Tùy, Phật giáo phục hưng, chân ngụy lẫn lộn, sợ trái với Di Kỳ, vua Văn Đế (Dương Khiêm) bèn ban sắc cho Sa-môn Pháp Kinh xem xét phán định chánh bản. Do đó, ngay trong mọi người tạo ra có hơn năm trăm quyển, đều thiêu đốt hết, những thứ khác chẳng hết thì tùy phương mà lưu xuất. Trở lại các Kinh tạng chỉ ghi chép chánh Bản gồm tất cả thì có hơn ba mươi ngàn quyển, ngoài ra Biệt sinh tạp tập đều không ghi chép. Còn như Nghi Ngụy có lúc lại sao lục, đó là do chưa từng đào luyện, nên đến nỗi có xen lạp như thế. Thử vì luận bàn, thì như “Dược Sư hành sự” vốn lưu xuất từ triều đại Tiền Tống, lại xếp vào nghi ngờ, rất còn duyên theo thế tục. Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) đời Tùy, do ngài Ngạn Tông ở Lạc Thủy phiên dịch, nghĩa tiết hoàn toàn đồng nhau, văn nêu bày ít lược, đó thì Phạm bản có chứng cứ, là cội gốc của phước đức. Nhưng vì ở đời “Duy tướng” có “Phi tướng” lấy đâu mà hiểu được tâm. Bạc Đại Thánh tùy hợp căn cơ, mặc tình vật loại mà phô bày pháp yếu. Người y như lời dạy mà thực hành thì rốt cùng sẽ dứt trừ, sợ xen lạp vào lòng mình tự thiếu sót danh thật. Nên trong văn ấy nói: “Miệng thì nói không, mà thực hành thì ở trong Hữu.” Thật là nói được. Hoặc có người siêng năng khổ nhọc, hậu cúng càng lớn mà sự mong cầu không ứng, thì do nghiệp ở quá khứ bền chắc rõ ràng, nhất định phải đền trả. Nên trong Văn có nói: “Chỉ trừ ương trái đời trước, ngoài ra có thể thoát.” Cho nên nghiệp không cố định, đều có thể chuyển trừ. Mặc tình cho nghiệp tăng

sinh thì không thành Thánh nghĩa, cho nên trong kinh nói về Pháp sám là y cứ vào nội tâm. Nếu có tâm hổ thẹn thì mất, không có tâm hổ thẹn thì nghiệp ấy có. Ba quả báo nặng nhẹ đều hiển bày Niết-bàn, sáu căn thuần nhạ cũng nêu bày Thật quán. Vậy đủ biết ương trái xưa chẳng thỉnh cầu, trường hợp là khác thời. Thông ứng các lý giáo, nghĩa phải ẩn gồm. Lại còn có “Phổ hiền Biệt hạnh”, “Kim Quang Tổng Sám”, phần nhiều kết quy về chúng thanh tịnh mà sự thì trái với thông tục. Nếu có hành sự thì chấp trước rất nhiều. khắp bảo tuy đến, đều thiếu sót pháp lợi. Nên trong Văn ấy nói: “Các Biển Nghiệp Chương từ vọng tưởng mà sinh, phải thấu rõ vọng mới dứt hết nghiệp trước.” nay thì duyên niệm đây kia, Ngã và Ngã Sở cả hai đều còn, ý tưởng điên đảo càng thêm, nên khó ứng hợp với Thánh Nghĩa, thế trần không thể biểu đạt được chân, Thức có sáng thì mới tỏ suốt tục. Ở nơi phàm phu hạ vị mà thực hành dần như thế, thuận theo xưa thường huân, lý chẳng thuyên ngộ.

Pháp Sám Phương Quảng ở đầu thời nhà Lương, ở tại Kinh Tương, vốn bị dịch bệnh gây nên, chí thành khẩn cầu hồi quá, xót xa nghiệp hạnh ngày trước, buồn thương chua xót, khiến tôn tượng đưa tay, sự đau khổ bỗng nhiên được bình phục. Nhân tật bệnh cùng nặng bèn rộng ban nơi đời. Bền y vào các Kinh toát yếu thành Bộ, đánh tiếng thường hòa, động phát thường lưu bố. Bàn nói về tội duyên đủ khiến mô hôi đổ, lệ rơi, bao gồm cả Phước mừng, khiến cho Tạng phủ đều dứt hết, trăm ty lấy để trị, một ngày muôn hóa, chỉ thông một Đạo, kịp thời giúp đời. Xét đáng vui mừng, nhưng tiếc là kinh lưu xuất chẳng phải Bản, Sự cần phải phẩm Tảo sáu căn Đại sám, bản ấy chỉ Vua Lương Võ Đế (Tiêu Diển 502-550) thân hành, tình kính lặng biết. Cho nên trong Văn nói: “Muôn phương có tội, chỉ tại mình tôi, đáng do căn thức chưa điều, cho nên khiến tình trần lạm nhiễm.” Mỗi năm riêng rộng hành trì, bỏ vật báu lớn mà sung cấp cho kẻ tội tở. Tâm lực trùm khắp nên khiến đất đai rung chuyển mà trời giáng điềm lành. Đó là xứng với Phong mỹ, chứa Thành phép tắc thường hằng. Có Trần Chân Quán nhân đó mà rộng ra, chỉ vì Văn từ thanh hoa, tâm hành rất lợi lạt. Vốn là, thiết bày sám hối, việc tại chuyên thuần, muốn khiến can đảm lộ bày trước chúng, Hổ thẹn thành tựu ngay ngày đó, nên tội dứt phước sinh, lời nói việc làm đáng nương tựa. Như chế thuật Tịnh Trí của Văn Tuyên, ngôn từ đáng chú ý, dẫn kinh giáo như đối diện trước Phật. Thuật mừng ghét như mô tả khuôn mặt. tuy có đến ba mươi quyển mà người xem không thấy nhiều, vẫn là trùng sinh mà người đọc chẳng nagi. Lại có người vọng đọc sám văn, thực hành hồi pháp. Tội sự phức tạp chẳng hiểu. Vị lấy mười điều,

nhân kết cấu phiền não. Chưa biết gốc tại ba não, tụng nhanh cho hết trang, tối tăm cho cả mình và kẻ khác. Làm thầy thật khó thay! Rơi mắc kết quy về đây kia, khiến lụy như thế chưa thể gọi là Thanh Trì, cho nên y cứ vào luận trước, hãy tạm làm chuẩn đích. “Lục Đạo Từ Sám” vốn cũng đồng như trước, việc tại cuối năm mới thực hành lễ ấy. Đạo riêng mở cúng tế, vị của đất nước sẽ hiển bày. Tùy theo thú hưởng thỉnh cầu, ý của Từ Bi rộng lớn. Quả cùng cực trong sáu đường, thú loại có khác trọng khinh. Loài người gồm có mười thứ khác nhau, ngoài ra thì nêu bày có thể biết hết. Như điều nói trong Kinh A-hàm thì vào đường Quý, có người thân cúng tế, tâm sinh vui mừng, do tâm vui mừng nên thân được no đủ, vì thế nên gọi là đầy đủ khởi đói khát, chẳng phải do phước nghiệp cúng tế khiến cho tự thọ dụng. Vì nghĩa lý của chánh pháp thì có chỗ để theo, không có việc mình tạo tác mà người khác hưởng quả. Điều đó chính là việc Tôn giả Mục-kiền-liên đem cơm dâng mẹ. Ngoài ra, năm loài khác quả báo hạn cục ở chỗ gần thau, tùy địa vị Quả báo mà cách biệt, không do đâu mà thông hợp. Nay thì ở đường khác mà bày cúng, sợ chẳng đến thọ hưởng, nhưng quả báo thì được các thần thông. Sự gồm đường sinh về, chẳng chướng ngại tâm người khác, suốt xem đợi hội mà theo rước cúng tế. Từ đó ngoài ra thể lệ khó thấu gồm. Hoặc Độ Tinh an trạch, quyết rõ tội phước, chiêm sát ném vòng hoài nghi kết chỉ, đồng quy về thế tục thấp cạn, chưa nhập vào kinh sâu.

Nhưng tội chứa nhóm từ trước đến nay, phước đầy khởi bắt đầu ngay đây, chỉ bởi vọng tưởng khéo mang theo khó hài hòa, chỗ phạm ngu trái qua, xét tham dụng đó. Lại có chẳng đo phân lượng, lên mạo phạm Thánh hiền, ngồi thẳng nghĩ về Đạo, khắc định thành Địa vị. đó đều là tưởng tâm nghĩ nhớ Đạo, chẳng biết Đạo là vọng tâm, biết vọng suy nghĩ thì tâm chẳng khởi, nếu có khởi thật kết quy về Duy thức. Thức tâm thấu đạt thế tục, biết sao chẳng làm? Y cứ vào đó mà ném vòng, nên phân ra Nghiệp tướng. Lại có các thứ Phương Đẳng, Phật Danh, Ban-chu, tụng chú. Phần nhiều lấy mộng Vương mà phô bày Tịnh, chuẩn cứ đó dùng để hiển bày rười thuận. Vả lại, mộng chỉ thăm vọng tưởng tướng, còn lấy nương tựa, hưởng gì hiện tại xoay chuyển nêu ném tâm đó có thể y cứ. Nếu hoặc nghiệp khởi lên thứ lớp có nguyên nhân. Hoặc hẳn trái với Lý mà sinh, nên sám chuyên quán về Lý, Nghiệp sinh y cứ vào sự mà khởi, nên sám lại phải duyên. Sự Hối phải động thân doanh tạo cấu kết. Hối then là chỗ chính là chỗ ấy, đều như trong Biệt lục, pháp Hối sáng có nói rộng. Vậy đủ biết Đức Thích tôn một đời giáo hóa nói rõ về tam môn. Nếu lúc ưa thích tội, thì phải làm nhiều việc phước, nhân tu

phước nên khởi tưởng chấp trước thì cần phải phá trừ, dạy tư duy về Lý quán. Như thế để dứt bỏ Tập nghiệp, có thể mong. Nếu vướng mắc nơi ba thứ ấy thì hoàn toàn trái với ý Giáo. Cúi mong Đại Thánh xót thương đời, đời Mạt pháp muốn sống thêm, phước thuận thì tình vui mừng, lại giúp cho thói quen cũ. Nghĩa phải tư duy chọn lựa, dứt kiết sử để nhập Đạo. Lời đó rất cùng cực.

Ở đời, có người không thấu đạt, cho phước là Đạo, đam mê nường gá, tình cảm buộc ràng, lấy đó làm cao thắng, chánh là thuộc về giới kiết và kiến kiết, chấp Ngã điên đảo thường hành, làm sao dứt trừ ràng buộc. Do đó, người thông minh xét “có” của Quyền Thật mà theo, thấu đạt “không” của giới hệ là sai lầm, rõ tính chất trọng khinh của tánh hoặc, hiểu sự hơn kém của Phân lượng, không gì chẳng là tội chướng, người trời một bề phải xả, phước là có nền tảng, tuy hành chẳng khắp, do ở Bát thiên vướng mắc tình cảm, sáu độ bất tịnh, sự quán và thế thuận thiện đều là Hữu pháp. Trong luận Đại Trí Độ cho rằng lời nói chấp trước đều che lấp tâm, nên chẳng phải là Đạo nghiệp. Còn như Sắc có Sơ Định, phạm thánh đều thực hành, Phi Tưởng là ngôi vị cùng cực, Vô sinh chẳng dừng, hoàn toàn trái với pháp xuất yếu, chưa dứt luân hồi, chỉ là bít lấp mê mờ, chẳng nhằm chán, hưởng gì lấy loạn thiện để sung vào nghiệp tĩn lảng, có thức tâm nghe đó, đủ để soi xét. Hàng lưu tục Nho Tố còn làm tổn tâm của Ngã kiên cố, nhưng cho là Ngã có khả năng thực hành, nên chẳng thuộc về thanh tịnh rộng lớn. Đâu được tâm dụng phù động, xúc cảnh thêm mê, vọng chấp là Đạo. Thật là đáng cười! Lại nghe Phước là gốc hữu, ngầm thần chẳng tu, thân hành ở đời, đâu thể vô sự? Sự trải qua tội phước, Lý hẳn biết thông. Như việc ăn mặc bốn thứ cần dùng không lúc nào chẳng nhờ cậy. Phật dạy nhận lấy, chỉ y cứ vào Quán Môn. Xem thường đối trị, đó thật là tội. Kính phụng chuyên cần thực hành, đó thật là Phước. có nghĩa là Ngã có khả năng thực hành, thì thành trái lý, còn Ngã chẳng thể thực hành thì lại là trái sự. Trái với sự thì nghiệp buộc trong ba đường, trái với Lý thì Phước buộc nơi các Dục. Ở Phạm thì sai sử tánh, làm sao có thể tịnh tâm. Nhập vào Chánh kiến mới thể dốc hết đường khổ. Nên biết, Nhân theo tướng ở đời, biết sao chẳng làm chỉ chuyên cần Quán dụng dần dần sẽ khuyết hữu. Nếu không như vậy thì đắm, lại trở về Vô thí. Nường vào đồng thuyền. Có thể chẳng cố gắng ư?

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN
Quyển 29 hết.